



# BỘ SÁCH GIÁO KHOA KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LỚP 5



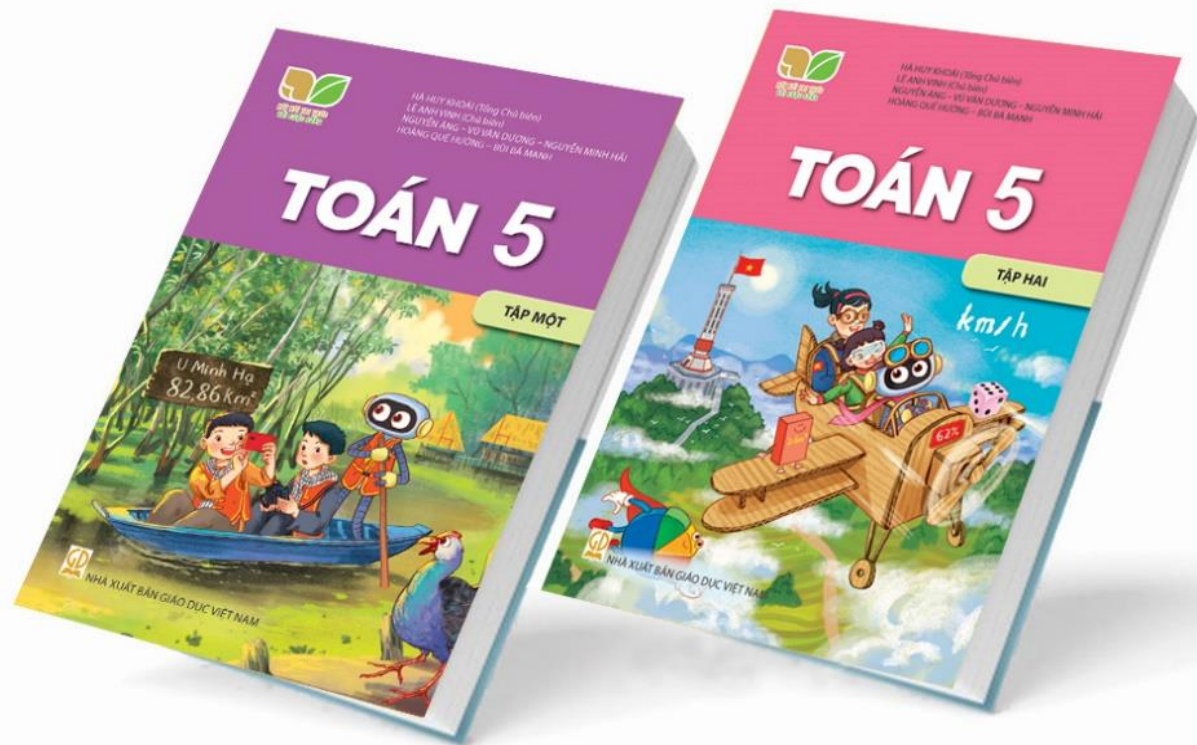
Chuẩn mực

Khoa học

Hiện đại

# TẬP HUẤN SGK TOÁN 5

## BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG





## Tác giả:

Tổng Chủ biên GS.TSKH. HÀ HUY KHOÀI

Chủ biên GS.TS. LÊ ANH VINH

Nhà giáo NGUYỄN ÁNG

Ths. VŨ VĂN DƯƠNG

Ths. NGUYỄN MINH HẢI

Ths. HOÀNG QUẾ HƯỜNG

Ths. BÙI BÁ MẠNH



# NỘI DUNG TẬP HUẤN SGK TOÁN 5

Phần 1. Giới thiệu SGK Toán 5

Phần 2. Phân tích nội dung và PPDH SGK Toán 5

Phần 3. Xem video tiết dạy minh họa

Phần 4. Dạy học Toán 5

Phần 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Toán 5

Phần 6. Tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục

Phần 7. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy



# Phần một

## GIỚI THIỆU SGK TOÁN 5



## **MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC BIÊN SOẠN TOÁN 5**



## MỤC TIÊU



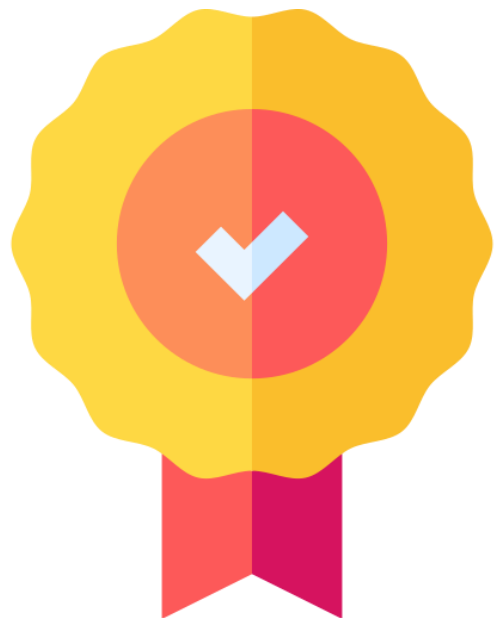
Giúp HS hứng thú học Toán,  
yêu thích môn Toán.



Giúp HS hiểu được ý nghĩa  
của việc học Toán và tính  
thực tiễn của toán học.



Giúp HS phát triển năng lực: khả  
năng tư duy, khả năng giải quyết  
vấn đề của môn học,...



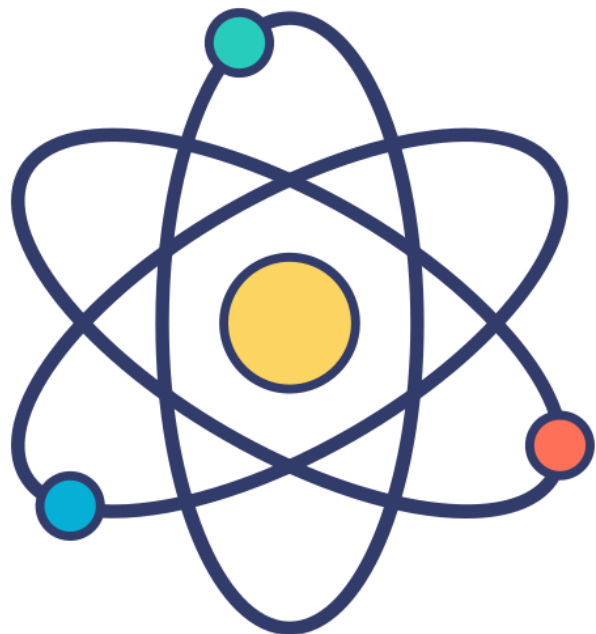
## 4 NGUYÊN TẮC

Đáp  
ứng các  
yêu cầu  
chung  
đối với  
SGK  
mới

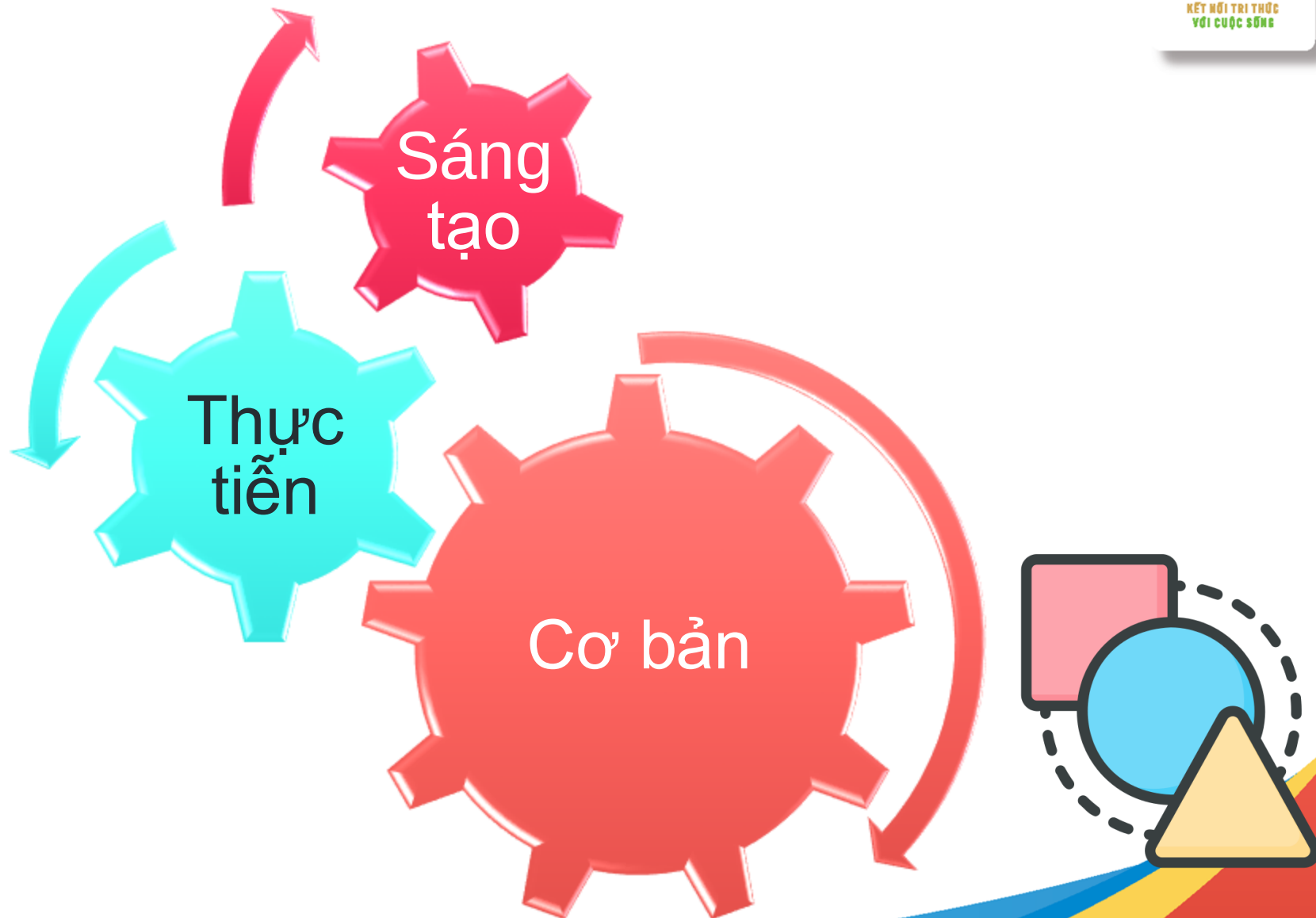
Theo  
thông  
điệp  
“Kết nối  
tri thức  
với cuộc  
sống”

Kế thừa  
ưu điểm  
của các  
bộ SGK  
trong  
nước và  
quốc tế

Hỗ trợ  
Đổi mới  
phương  
pháp và  
hình  
thức tổ  
chức  
dạy học



3 YẾU TỐ





# TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN TIỂU HỌC 2018



| Mạch KT                   | Nội dung  |                            | Lớp 1<br>(105 tiết) | Lớp 2<br>(175 tiết) | Lớp 3<br>(175 tiết) | Lớp 4<br>(175 tiết)        | Lớp 5<br>(175 tiết)      | Khác biệt so với<br>CT 2006                                                                   |
|---------------------------|-----------|----------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Số và phép tính</b> | Số        | 1. Số tự nhiên             | (0 – 100)           | (0 – 1000)          | (0 – 100 000)       | (0 – lớp triệu), dãy số TN | Ôn tập, hoàn thiện số TN | Về cơ bản không thay đổi.                                                                     |
|                           |           | 2. Phân số                 |                     |                     |                     | X                          | X                        | Bổ sung: ước lượng và làm tròn số                                                             |
|                           |           | 3. Số thập phân            |                     |                     |                     |                            | X                        |                                                                                               |
|                           | Phép tính | 1. Phép (+, –)             | X                   | X                   | X                   | X                          | X                        | – Bỏ phần dấu hiệu chia hết.                                                                  |
|                           |           | 2. Phép ( $\times$ , $:$ ) |                     | X                   | X                   | X                          | X                        | – Bỏ loại toán tìm x (đại số).                                                                |
|                           |           | 3. Tỉ số. Tỉ số phần trăm  |                     |                     |                     |                            | X                        | – Tỉ số học ở lớp 5.<br>– Bỏ giải toán thành mạch KT riêng mà lồng ghép vào các mạch KT khác. |



| Mạch KT                         | Nội dung | Lớp 1         | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Khác biệt so với CT 2006                                                                              |
|---------------------------------|----------|---------------|-------|-------|-------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>II. Hình học và đo lường</b> | Hình học | 1. Hình phẳng | x     | x     | x     | x     |                                                                                                       |
|                                 |          | 2. Hình khối  | x     | x     | x     | x     | – Hình khối học từ lớp 1, lớp 2.<br>– Thêm nhận dạng: đường cong, tam giác đều, tạo hình về hình khối |
|                                 | Đo lường | 1. Độ dài     | x     | x     | x     | x     |                                                                                                       |
|                                 |          | 2. Khối lượng |       | x     | x     | x     |                                                                                                       |
|                                 |          | 3. Dung tích  |       | x     | x     | x     |                                                                                                       |
|                                 |          | 4. Diện tích  |       |       | x     | x     | – Bớt: dam, hm, dag, hg, dam <sup>2</sup> , hm <sup>2</sup>                                           |
|                                 |          | 5. Thể tích   |       |       |       | x     | – Thêm: Đo nhiệt độ, đo góc, ml.                                                                      |
|                                 |          | 6. Thời gian  | x     | x     | x     | x     | – Tăng cường thực hành và trải nghiệm (thành bài riêng).                                              |
|                                 |          | 7. Tiền tệ    |       | x     | x     | x     |                                                                                                       |
|                                 |          | 8. Nhiệt độ   |       |       | x     | x     |                                                                                                       |
|                                 |          | 9. Đo góc     |       |       | x     | x     |                                                                                                       |
|                                 |          | 10. Vận tốc   |       |       |       | x     |                                                                                                       |



|                                  |          |                              |   |   |   |   |                                                                                                |
|----------------------------------|----------|------------------------------|---|---|---|---|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| III. Yếu tố thống kê và xác suất | Thống kê | 1. Kiểm đếm số liệu thống kê | x | x | x | x | Mạch KT mới (lớp 3, 4, 5 cũ có học một số yếu tố thống kê nhưng không hệ thống thành mạch KT). |
|                                  |          | 2. Bảng, biểu đồ             | x | x | x | x |                                                                                                |
|                                  | Xác suất | 1. Lựa chọn khả năng         | x | x | x | x | Mạch KT mới.                                                                                   |
|                                  |          | 2. Tỷ số (tần suất)          |   |   |   | x |                                                                                                |



| Mạch KT                            |           | Nội dung                      | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Khác biệt so với CT 2006                  |
|------------------------------------|-----------|-------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------------------------------------------|
| Hoạt động thực hành và trải nghiệm | Hoạt động | 1. Ứng dụng kiến thức         | x     | x     | x     | x     | x     | Là nội dung giáo dục đổi mới theo CT 2018 |
|                                    |           | 2. Ngoại khoá                 | x     | x     | x     | x     | x     |                                           |
|                                    |           | 3. Giao lưu học sinh học Toán |       |       |       | x     | x     |                                           |



# TỔNG QUAN ĐIỂM MỚI, SỰ KHÁC BIỆT VỀ CT, SGK MÔN TOÁN TIỂU HỌC 2018 SO VỚI CT 2006

Không có sự khác biệt nhiều về **ND kiến thức cơ bản**. Tuy nhiên được cập nhật, đổi mới phù hợp giai đoạn phát triển hiện đại.

Ổn định

Kế thừa

Phát triển (cập nhật)

Khác biệt chủ yếu về **cấu trúc ND giáo dục toán học theo hướng** tinh giản, tường minh, phù hợp từng giai đoạn phát triển của HS.

Liên thông 3 cấp  
(MN-TH-THCS)

Liên thông các lớp  
1→2→3→4→5

Cấu trúc NDDH:

\* CT: 5 mạch KT→3 mạch KT

\* SGK:

Chủ đề→Bài học→Tiết học

\* Bài học: Khám phá→Hoạt động  
→Luyện tập(→Trò chơi)

Khác biệt chủ yếu về **cách tiếp cận ND và PPDH** theo định hướng đổi mới giáo dục, phù hợp đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi HS Tiểu học.

Quán triệt thông điệp “Kết nối tri thức với cuộc sống”

Giúp HS thích học, tự tin, biết cách học tích cực, chủ động, biết hợp tác, GQVĐ qua TH, TN,...

Trên nền tảng KT vững chắc, HS PT phẩm chất, NL học tập môn Toán (TDLL, MHH, GQVĐ, GTTH, SDCC&PT học Toán)



## SỰ KHÁC BIỆT VỀ CẤU TRÚC MẠCH KIẾN THỨC TRONG CT TOÁN TIỂU HỌC 2018 SO VỚI CT 2006

CT 2018

I. Số và chữ số

II. Phép tính số học

III. Đại lượng cơ bản và  
số đo đại lượng

IV. Một số yếu tố Hình học

V. Giải toán có lời văn

I. Số và Phép tính

II. Hình học và Đo lường

III. Một số yếu tố Thống kê và  
Xác suất (là mạch KT mới)

Không thành mạch riêng mà  
lồng ghép vào các mạch khác.



NEW

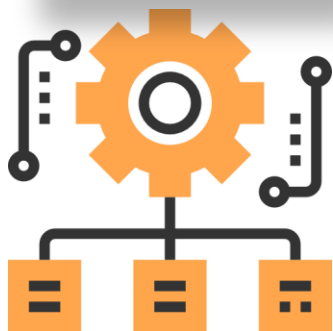
# NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 5





## 1. CẤU TRÚC SÁCH THEO CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC

### CẤU TRÚC SÁCH



# TOÁN 5

## 12 CHỦ ĐỀ

- Tập 1: 6 chủ đề
- Tập 2: 6 chủ đề

## 75 BÀI HỌC

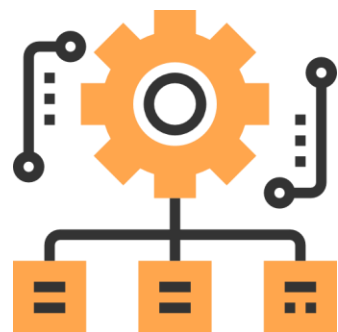
- Tập 1: 35 bài (90 tiết)
- Tập 2: 40 bài (85 tiết)



SGK Toán 5 thiết kế các nội dung dạy học theo chủ đề, mỗi chủ đề được biên soạn theo từng bài, mỗi bài học phân chia thành nhiều tiết học (thay vì mỗi bài học là một tiết như trước). Cách tiếp cận này sẽ giúp GV chủ động, linh hoạt hơn trong giảng dạy tùy theo thực tế của lớp học.



## MỤC LỤC



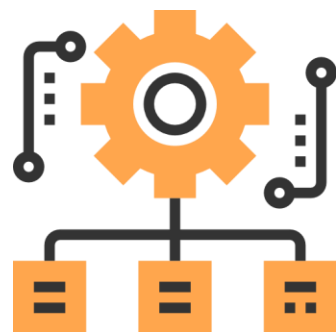
| Chủ đề   | Nội dung                                                        | Trang     |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG</b>                                        | <b>6</b>  |
|          | Bài 1. Ôn tập số tự nhiên                                       | 6         |
|          | Bài 2. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên                     | 9         |
|          | Bài 3. Ôn tập phân số                                           | 11        |
|          | Bài 4. Phân số thập phân                                        | 14        |
|          | Bài 5. Ôn tập các phép tính với phân số                         | 16        |
|          | Bài 6. Cộng, trừ hai phân số khác mẫu số                        | 20        |
|          | Bài 7. Hỗn số                                                   | 23        |
|          | Bài 8. Ôn tập hình học và đo lường                              | 26        |
|          | Bài 9. Luyện tập chung                                          | 29        |
| <b>2</b> | <b>SỐ THẬP PHÂN</b>                                             | <b>32</b> |
|          | Bài 10. Khái niệm số thập phân                                  | 32        |
|          | Bài 11. So sánh các số thập phân                                | 38        |
|          | Bài 12. Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân             | 42        |
|          | Bài 13. Làm tròn số thập phân                                   | 47        |
|          | Bài 14. Luyện tập chung                                         | 51        |
| <b>3</b> | <b>MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH</b>                               | <b>53</b> |
|          | Bài 15. Ki-lô-mét vuông. Héc-ta                                 | 53        |
|          | Bài 16. Các đơn vị đo diện tích                                 | 56        |
|          | Bài 17. Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng | 60        |
|          | Bài 18. Luyện tập chung                                         | 62        |

| Chủ đề   | Nội dung                                                                             | Trang      |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>4</b> | <b>CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN</b>                                                | <b>65</b>  |
|          | Bài 19. Phép cộng số thập phân                                                       | 65         |
|          | Bài 20. Phép trừ số thập phân                                                        | 68         |
|          | Bài 21. Phép nhân số thập phân                                                       | 71         |
|          | Bài 22. Phép chia số thập phân                                                       | 76         |
|          | Bài 23. Nhân, chia số thập phân với 10; 100; 1 000;... hoặc với 0,1; 0,01; 0,001;... | 83         |
|          | Bài 24. Luyện tập chung                                                              | 88         |
| <b>5</b> | <b>MỘT SỐ HÌNH PHẪNG. CHU VI VÀ DIỆN TÍCH</b>                                        | <b>91</b>  |
|          | Bài 25. Hình tam giác. Diện tích hình tam giác                                       | 91         |
|          | Bài 26. Hình thang. Diện tích hình thang                                             | 98         |
|          | Bài 27. Đường tròn. Chu vi và diện tích hình tròn                                    | 105        |
|          | Bài 28. Thực hành và trải nghiệm đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình                          | 113        |
|          | Bài 29. Luyện tập chung                                                              | 116        |
| <b>6</b> | <b>ÔN TẬP HỌC KÌ 1</b>                                                               | <b>120</b> |
|          | Bài 30. Ôn tập số thập phân                                                          | 120        |
|          | Bài 31. Ôn tập các phép tính với số thập phân                                        | 123        |
|          | Bài 32. Ôn tập một số hình phẳng                                                     | 127        |
|          | Bài 33. Ôn tập diện tích, chu vi một số hình phẳng                                   | 130        |
|          | Bài 34. Ôn tập đo lường                                                              | 133        |
|          | Bài 35. Ôn tập chung                                                                 | 135        |
|          | Một số thuật ngữ dùng trong sách                                                     | 139        |



| Chủ đề    | Nội dung                                                                    | Trang     |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>7</b>  | <b>TỈ SỐ VÀ CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN</b>                                      | <b>4</b>  |
|           | Bài 36. Tỉ số. Tỉ số phần trăm                                              | 4         |
|           | Bài 37. Tỉ lệ bản đồ và ứng dụng                                            | 8         |
|           | Bài 38. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó                     | 12        |
|           | Bài 39. Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó                     | 15        |
|           | Bài 40. Tìm tỉ số phần trăm của hai số                                      | 18        |
|           | Bài 41. Tìm giá trị phần trăm của một số                                    | 21        |
|           | Bài 42. Máy tính cầm tay                                                    | 23        |
|           | Bài 43. Thực hành và trải nghiệm sử dụng máy tính cầm tay                   | 27        |
|           | Bài 44. Luyện tập chung                                                     | 28        |
| <b>8</b>  | <b>THỂ TÍCH. ĐƠN VỊ ĐO THỂ TÍCH</b>                                         | <b>30</b> |
|           | Bài 45. Thể tích của một hình                                               | 30        |
|           | Bài 46. Xăng-ti-mét khối. Đề-xi-mét khối                                    | 33        |
|           | Bài 47. Mét khối                                                            | 35        |
|           | Bài 48. Luyện tập chung                                                     | 38        |
| <b>9</b>  | <b>DIỆN TÍCH VÀ THỂ TÍCH CỦA MỘT SỐ HÌNH KHỐI</b>                           | <b>40</b> |
|           | Bài 49. Hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ  | 40        |
|           | Bài 50. Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật   | 44        |
|           | Bài 51. Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương     | 48        |
|           | Bài 52. Thể tích của hình hộp chữ nhật                                      | 51        |
|           | Bài 53. Thể tích của hình lập phương                                        | 54        |
|           | Bài 54. Thực hành tính toán và ước lượng thể tích một số hình khối          | 58        |
|           | Bài 55. Luyện tập chung                                                     | 60        |
| <b>10</b> | <b>SỐ ĐO THỜI GIAN, VẬN TỐC. CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU</b> | <b>64</b> |
|           | Bài 56. Các đơn vị đo thời gian                                             | 64        |
|           | Bài 57. Cộng, trừ số đo thời gian                                           | 67        |

| Chủ đề    | Nội dung                                                                                          | Trang      |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|           | Bài 58. Nhân, chia số đo thời gian với một số                                                     | 71         |
|           | Bài 59. Vận tốc của một chuyển động đều                                                           | 76         |
|           | Bài 60. Quãng đường, thời gian của một chuyển động đều                                            | 78         |
|           | Bài 61. Thực hành tính toán và ước lượng về vận tốc, quãng đường, thời gian trong chuyển động đều | 82         |
|           | Bài 62. Luyện tập chung                                                                           | 84         |
| <b>11</b> | <b>MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT</b>                                                         | <b>87</b>  |
|           | Bài 63. Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu                                                  | 87         |
|           | Bài 64. Biểu đồ hình quạt tròn                                                                    | 90         |
|           | Bài 65. Tỉ số của số lần lặp lại một sự kiện so với tổng số lần thực hiện                         | 94         |
|           | Bài 66. Thực hành và trải nghiệm thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê              | 96         |
|           | Bài 67. Luyện tập chung                                                                           | 100        |
| <b>12</b> | <b>ÔN TẬP CUỐI NĂM</b>                                                                            | <b>103</b> |
|           | Bài 68. Ôn tập số tự nhiên, phân số, số thập phân                                                 | 103        |
|           | Bài 69. Ôn tập các phép tính với số tự nhiên, phân số, số thập phân                               | 107        |
|           | Bài 70. Ôn tập tỉ số, tỉ số phần trăm                                                             | 111        |
|           | Bài 71. Ôn tập hình học                                                                           | 113        |
|           | Bài 72. Ôn tập đo lường                                                                           | 119        |
|           | Bài 73. Ôn tập toán chuyển động đều                                                               | 121        |
|           | Bài 74. Ôn tập một số yếu tố thống kê và xác suất                                                 | 123        |
|           | Bài 75. Ôn tập chung                                                                              | 128        |
|           | Một số thuật ngữ dùng trong sách                                                                  | <b>135</b> |





## 2. CẤU TRÚC MỖI BÀI HỌC THƯỜNG GỒM 4 PHẦN

### CẤU TRÚC BÀI HỌC



Khám phá

Tìm hiểu kiến thức mới.



hoạt động

Vận dụng thực hành kiến thức ở mức độ cơ bản.



trò chơi

Vừa học vừa chơi,  
củng cố kiến thức đã học.



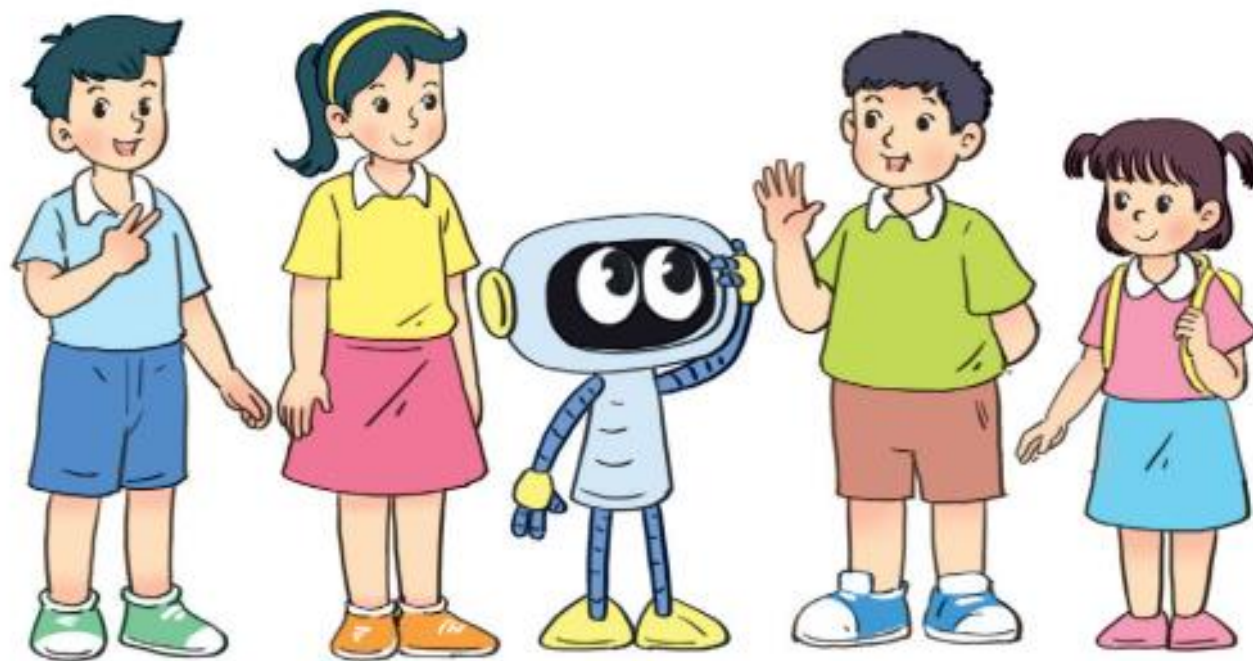
luyện tập

Vận dụng thực hành kiến thức ở mức độ củng cố, bổ sung và phát triển.



### 3. TUYỂN NHÂN VẬT XUYÊN SUỐT

TUYỂN  
NHÂN VẬT



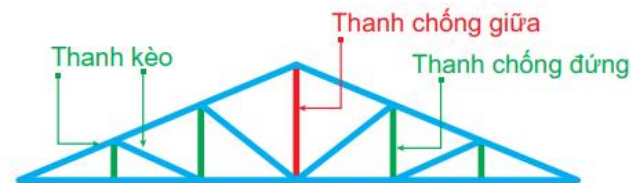
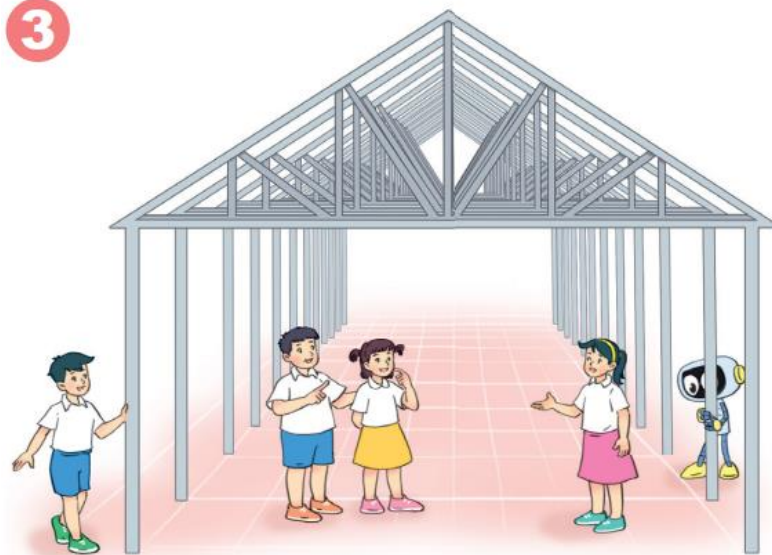
Nam

Mai

Rô-bốt

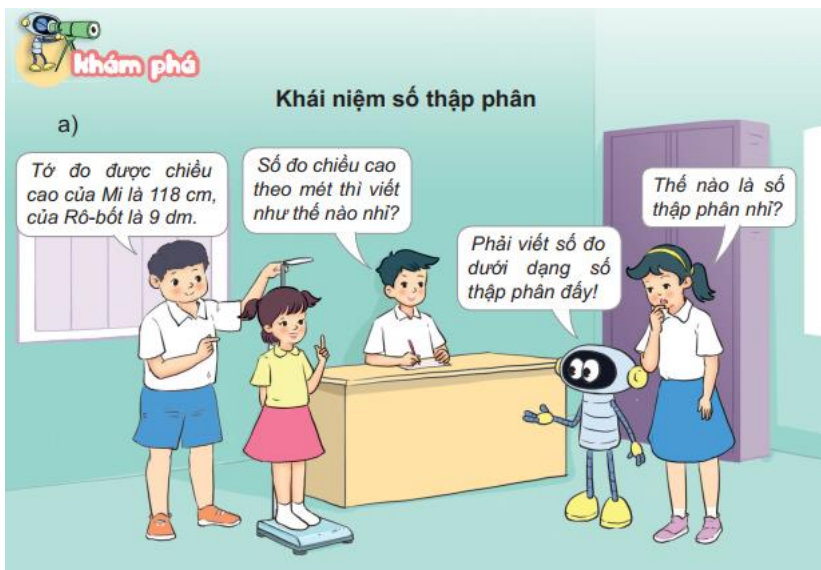
Việt

Mi



Đây là dạng một vì kèo.

Em hãy vẽ một vì kèo vào vở.



4 Các bạn Mai, Việt, Nam và Rô-bốt thi giải khối ru-bích. Thời gian hoàn thành của mỗi bạn như sau:

Mai:  $\frac{3}{10}$  giờ, Việt:  $\frac{1}{2}$  giờ, Nam:  $\frac{2}{5}$  giờ, Rô-bốt:  $\frac{1}{5}$  giờ.

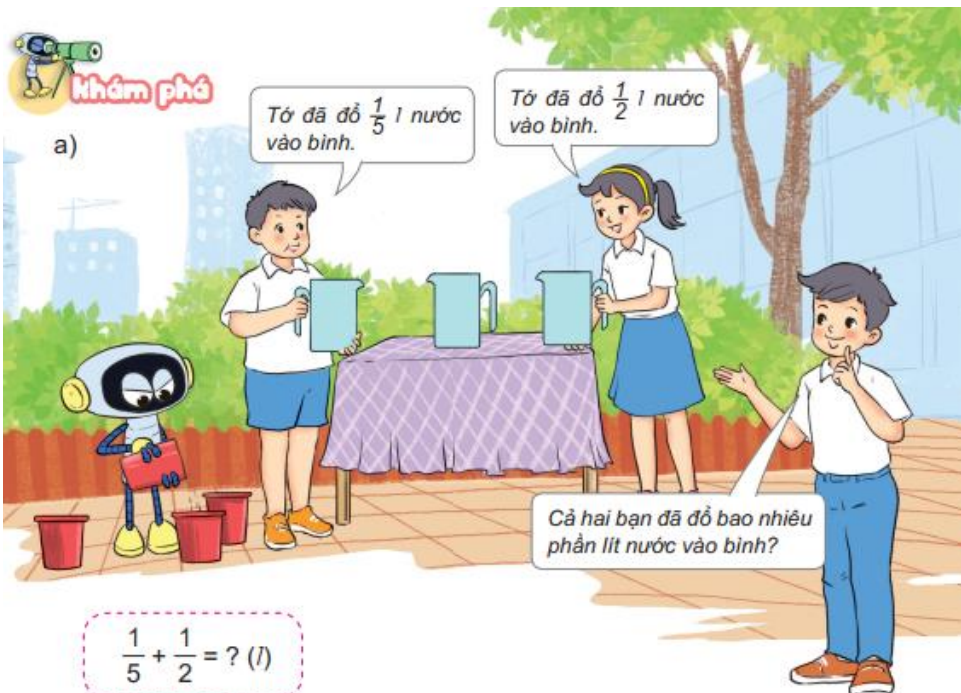


- a) Hỏi bạn nào hoàn thành giải khối ru-bích đầu tiên, bạn nào hoàn thành giải khối ru-bích cuối cùng?  
b) Mai hoàn thành giải khối ru-bích trước những bạn nào?



## 4. NỘI DUNG GẮN VỚI THỰC TIỄN

### NỘI DUNG SÁCH



**Khám phá**

Việt Nam có diện tích là 331 210 ki-lô-mét vuông.

**Ki-lô-mét vuông**

Vì rộng lớn quá nên cần phải có đơn vị đo lớn hơn ư?

- Để đo diện tích lớn như diện tích một thành phố, một khu rừng hay một vùng biển,... người ta thường dùng đơn vị: ki-lô-mét vuông.
- Ki-lô-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 km.
- Ki-lô-mét vuông viết tắt là  $\text{km}^2$ .
- $1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$ .

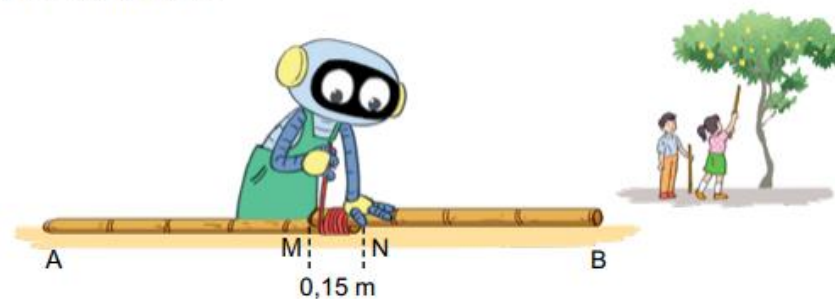


19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = ?

$$\begin{array}{r} 19 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \\ + 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \\ \hline 20 \text{ giờ } 45 \text{ phút} \end{array}$$

Vậy: 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = 20 giờ 45 phút.

- 4 Rô-bốt nối hai cây gậy ngắn, mỗi cây gậy dài 0,8 m thành cây gậy dài AB. Cho biết chỗ nối là đoạn MN dài 0,15 m (như hình vẽ). Hỏi cây gậy AB dài bao nhiêu mét?



- 1 Số ?

Sau trận lũ quét, thầy Nam đi bộ trở lại điểm trường cách nơi xuất phát 9 km. Do đường đi nhiều đồi núi nên thầy chỉ đi được với vận tốc 1,5 km/h.

Thời gian trở lại điểm trường của thầy Nam là ? giờ.

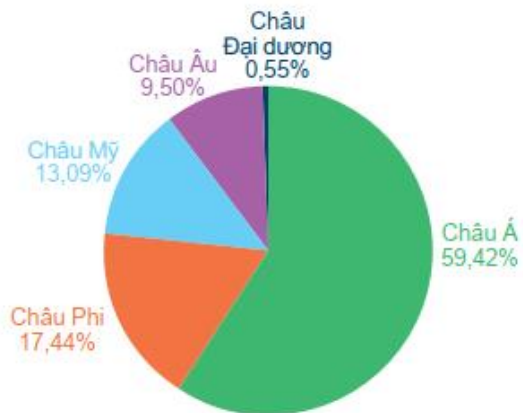




## 5. LÒNG GHÉP, TÍCH HỢP NỘI MÔN, LIÊN MÔN



- 1 Quan sát biểu đồ tỉ số phần trăm dân số các châu lục năm 2021 (theo thống kê tại [worldometers.info](http://worldometers.info)) và trả lời câu hỏi.



- a) Châu lục nào đông dân nhất? Châu lục nào ít dân nhất?  
b) Trong biểu đồ trên, các số liệu được sắp xếp theo thứ tự như thế nào?



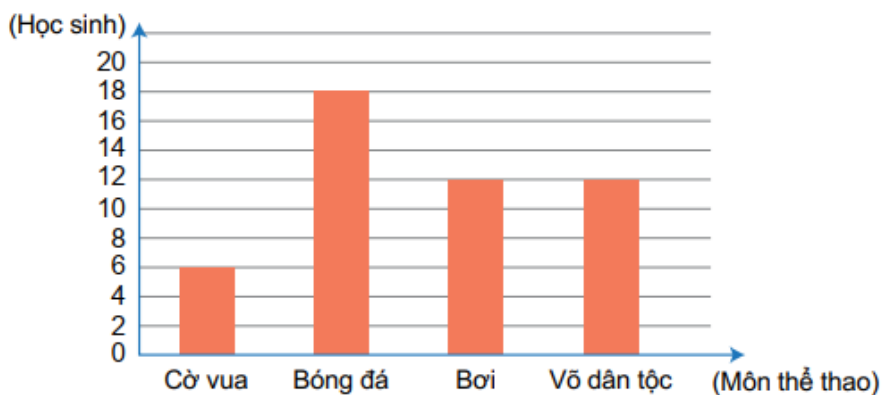
- 2 Có 30 học sinh đã tham gia cuộc khảo sát về hoạt động yêu thích nhất trong ngày cuối tuần. Kết quả được thể hiện trong biểu đồ dưới đây.
- a) Trong số các hoạt động đó, hoạt động nào được nhiều học sinh yêu thích nhất? Hoạt động nào ít được yêu thích nhất?  
b) Có bao nhiêu học sinh thích giải câu đố trong ngày cuối tuần?





- 4 Biểu đồ dưới đây cho biết kết quả điều tra về sở thích bốn môn thể thao của một số học sinh.

SỐ HỌC SINH ƯA THÍCH BỐN MÔN THỂ THAO



- a) Mỗi môn thể thao có bao nhiêu học sinh ưa thích?  
b) Tìm tỉ số phần trăm của số học sinh ưa thích mỗi môn và tổng số học sinh được điều tra.

- 1 Chọn đáp án đúng.



Gieo hai xúc xắc. Chọn khả năng xảy ra trong mỗi trường hợp sau:

- a) Tổng số chấm ở hai mặt trên của hai xúc xắc là số chẵn.  
A. Chắc chắn      B. Có thể      C. Không thể
- b) Tổng số chấm ở hai mặt trên của hai xúc xắc là 13.  
A. Chắc chắn      B. Có thể      C. Không thể
- c) Tổng số chấm ở hai mặt trên của hai xúc xắc là số bé hơn 13 và lớn hơn 1.  
A. Chắc chắn      B. Có thể      C. Không thể



- 1** Dưới đây là năm (khoảng thời gian) xảy ra các sự kiện trong lịch sử Việt Nam. Em hãy cho biết mỗi sự kiện xảy ra vào thế kỉ nào.

Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa năm 40.



Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế năm 968.



Vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long năm 1010.



Hội nghị Diên Hồng năm 1284.



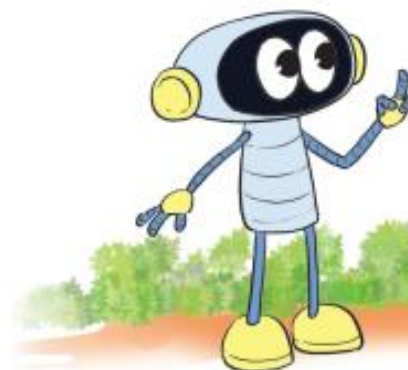
Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.



Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước năm 1975.



- 2** Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm sinh năm 1491. Hỏi kể từ năm nay, còn bao nhiêu năm nữa sẽ kỉ niệm 600 năm năm sinh Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm?



- 4** Một biển báo cấm đi ngược chiều là hình tròn có bán kính 35 cm; phần hình chữ nhật màu trắng (như hình vẽ) có chiều dài 50 cm, chiều rộng 12 cm. Tính diện tích phần màu đỏ của tấm biển đó.





1 Chọn số đo phù hợp với diện tích của mỗi đồ vật, địa danh dưới đây.



Diện tích mặt sàn căn hộ

225 cm<sup>2</sup>



Diện tích chiếc khăn mặt

8 310 km<sup>2</sup>

94 m<sup>2</sup>



Diện tích tỉnh Lạng Sơn  
(Nguồn: langson.gov.vn)



a)



Cầu Long Biên (Hà Nội): 2,29 km  
(Nguồn: vietnamdiscovery.com)



Cầu An Đông (Ninh Thuận): 3,5 km  
(Nguồn: baoninhthuan.com.vn)

Đây là chiều dài ba cây cầu ở ba miền đất nước ta đây!

Làm thế nào để biết trong ba cây cầu đó, cây cầu nào dài nhất nhỉ?



Cầu Cần Thơ (Tây Nam Bộ): 2,75 km  
(Nguồn: canthotourism.vn)



Ta cần so sánh các số thập phân là số đo chiều dài các cây cầu.



- Ta có: 3,5 km = 3 500 m;  
2,75 km = 2 750 m.

Vì 3 500 m > 2 750 m nên ta có: 3,5 km > 2,75 km. Vậy:

3,5 > 2,75 (phần nguyên có 3 > 2).



**1** Chọn câu trả lời đúng.

a) Đỉnh núi nào dưới đây cao nhất?

A.



Đỉnh E-vơ-rét (Everest): 8 848 m  
(Nguồn: nationalgeographic.com)

B.



Đỉnh núi Bà Đen: 986 m  
(Nguồn: badenmountain.sunworld.vn)

C.



Đỉnh Ô-lim-pớt Mon  
(Olympus Mons): 25 000 m  
(Nguồn: nationalgeographic.com)

**2** Bánh xe lăn tay dành cho người khuyết tật có đường kính là 50 cm. Hỏi người đi xe đó sẽ đi được bao nhiêu mét nếu bánh xe lăn trên mặt đất 1 000 vòng?

**2** Tìm phân số thích hợp.

Để trang trí tấm biển quảng cáo có dạng hình vuông, người ta gắn sợi dây đèn một vòng xung quanh tấm biển đó. Biết độ dài sợi dây đèn là 18 m thì vừa đủ để gắn.



a) Độ dài cạnh của tấm biển quảng cáo đó là ? m.

b) Diện tích của tấm biển quảng cáo đó là ? m<sup>2</sup>.





- 1** Sau một đợt vệ sinh môi trường, một trường tiểu học đã thu gom hai loại rác thải: loại A gồm giấy, bìa và loại B gồm chai lọ, vỏ hộp. Biết số ki-lô-gam rác thải loại A bằng  $\frac{3}{7}$  số ki-lô-gam rác thải loại B và ít hơn loại B là 8 kg. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu ki-lô-gam rác thải?



- 2** Đội tình nguyện tuyên truyền và bảo vệ môi trường của Trường Tiểu học Hoà Bình có 60 bạn, trong đó lớp 5A có 18 bạn, lớp 5B có 15 bạn. Tìm tỉ số phần trăm của:
- a) Số bạn lớp 5A và số bạn của đội tình nguyện.
  - b) Số bạn lớp 5B và số bạn của đội tình nguyện.





## 6. HỖ TRỢ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC



### CẦU THANG – CẦU TRƯỢT

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô xuất phát. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm nhận được. Đọc số lớn hơn trong ô đó. Nếu đọc sai thì phải quay về ô xuất phát trước đó. Khi đến chân cầu thang, em được leo lên. Khi đến đỉnh cầu trượt, em bị trượt xuống, gặp bông hoa thì tự vượt qua.
- Trò chơi kết thúc khi có người về đích.

|       |        |        |         |                  |
|-------|--------|--------|---------|------------------|
|       | 721,8  | 46,258 | 17,98   | <b>ĐÍCH</b>      |
|       | 712,9  | 46,52  | 20,12   |                  |
| 13,72 | 15,09  | 3,74   | 100,02  | 10,1             |
| 14,27 | 14,90  | 3,81   | 100,01  | 9,99             |
| 31,27 | 10,59  | 13,72  | 10,82   | 899,9            |
| 41,72 | 9,90   | 1,372  | 108,201 | 900,01           |
|       | 215,99 | 203,76 | 35,08   | <b>XUẤT PHÁT</b> |
|       | 217,03 | 203,71 | 35,09   |                  |



### ĐƯỜNG ĐUA

Chuẩn bị: Một số hộp có dạng hình hộp chữ nhật và hình lập phương đặt ở xung quanh lớp học.

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Tại mỗi lượt chơi, giáo viên đọc một số đo thể tích. Các nhóm quan sát, ước lượng và lựa chọn một hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần bằng số đo thể tích giáo viên vừa đọc. Nhóm tìm được hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần nhất với số đo thể tích của giáo viên thì được cộng 1 điểm.
- Trò chơi kết thúc sau 5 lượt chơi. Nhóm giành được nhiều điểm nhất là nhóm thắng cuộc.

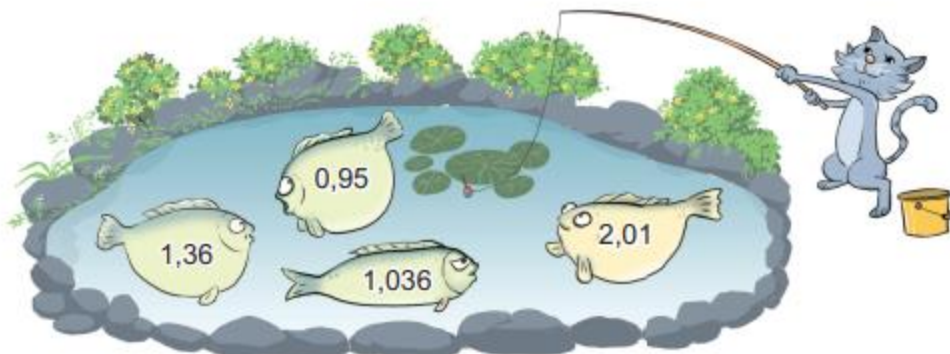




## 7. HỆ THỐNG BÀI TẬP PHONG PHÚ, ĐA DẠNG, NHIỀU MỨC ĐỘ

4 Chọn câu trả lời đúng.

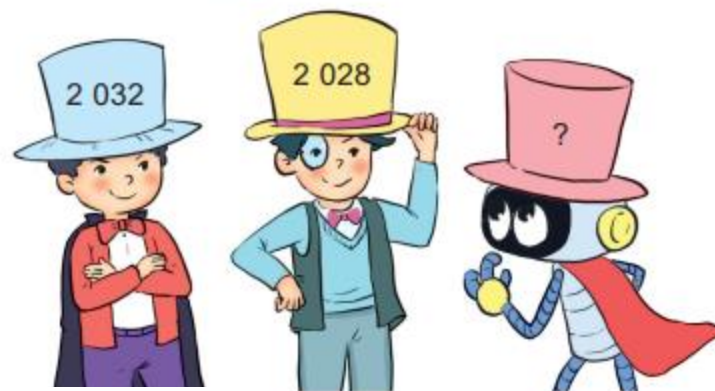
Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1,036 và bé hơn 2.



Con cá mà chú mèo câu được ghi số nào?

- A. 1,036    B. 0,95    C. 1,36    D. 2,01

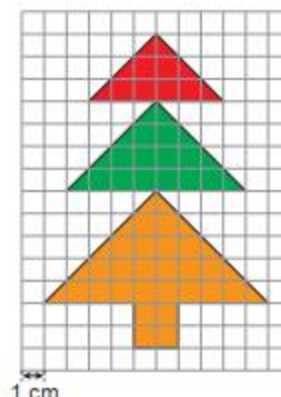
4 Ba số chẵn liên tiếp được viết vào 3 chiếc mũ, mỗi chiếc mũ được viết một số. Việt, Nam và Rô-bốt, mỗi bạn đội một chiếc mũ trên. Rô-bốt nhìn thấy số được viết trên mũ của Việt và Nam là 2 032 và 2 028. Hỏi chiếc mũ mà Rô-bốt đang đội được viết số nào?



4 Số ?



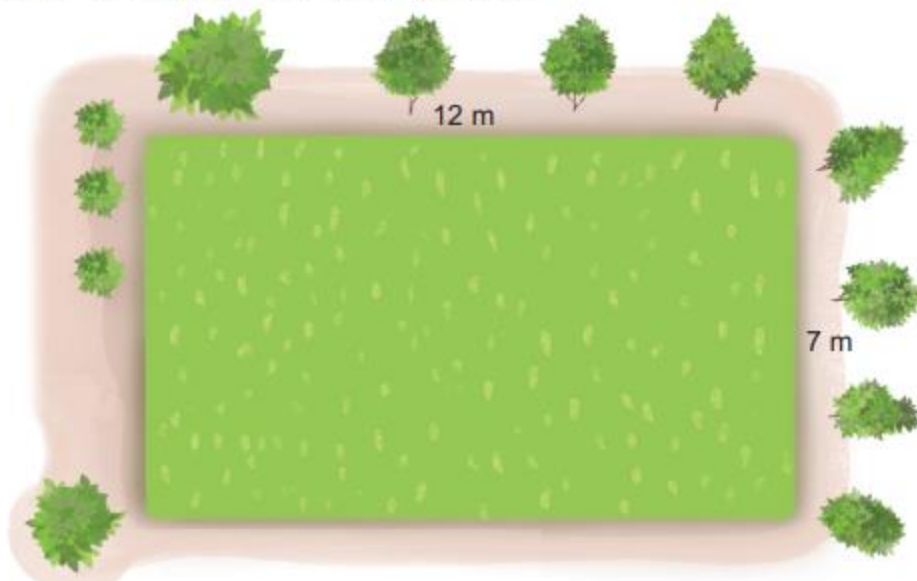
Diện tích cây thông trong hình vẽ bên là ? cm<sup>2</sup>.



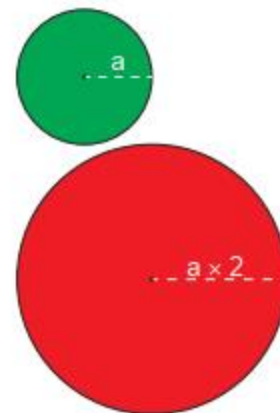


- 4 Dì Sáu có một mảnh đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 12 m, chiều rộng 7 m. Dì chia đều mảnh đất thành 7 ô đất để xây các phòng trọ.

- a) Mỗi phòng trọ được xây trên ô đất có diện tích là bao nhiêu mét vuông?  
b) Hãy tìm cách chia mảnh đất nhà dì Sáu thành 7 ô đất hình chữ nhật, mỗi ô có chiều dài 4 m, chiều rộng 3 m.



- 4 Đ, S ?



- a) Đường kính của hình tròn màu đỏ gấp hai lần đường kính của hình tròn màu xanh. ?  
b) Chu vi của hình tròn màu đỏ cũng gấp hai lần chu vi của hình tròn màu xanh. ?

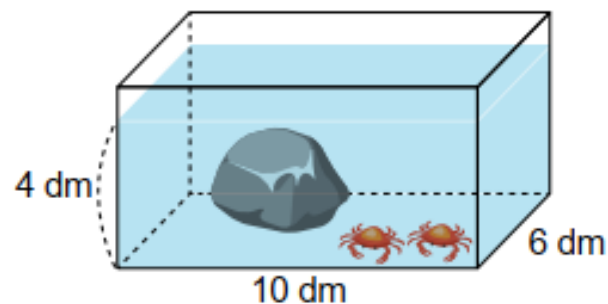
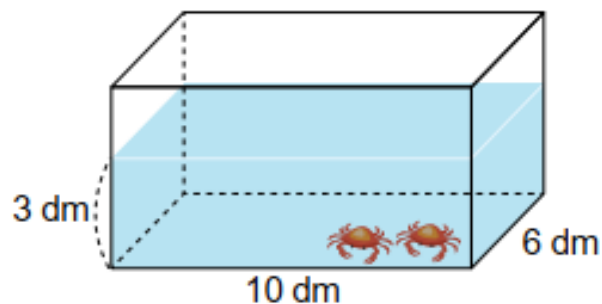


- 4 Nam có hai hình lập phương cạnh 4 cm. Bạn ấy đặt hai hình cạnh nhau để tạo thành một hình hộp chữ nhật. Mai nói rằng: “Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật gấp 2 lần diện tích toàn phần của hình lập phương”. Hỏi Mai nhận xét như vậy có đúng không?





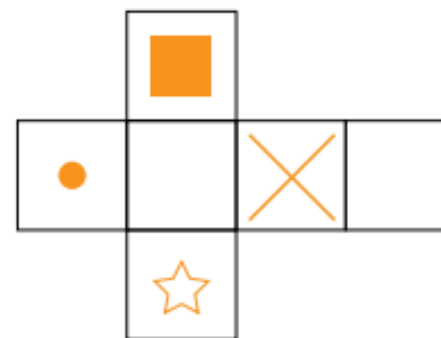
**3** Quan sát hình vẽ và tính thể tích của tảng đá nằm trong bể nước.



**1** Chọn câu trả lời đúng.

Mai có hình khai triển như hình bên.

Hỏi Mai có thể gấp được hình lập phương nào dưới đây?

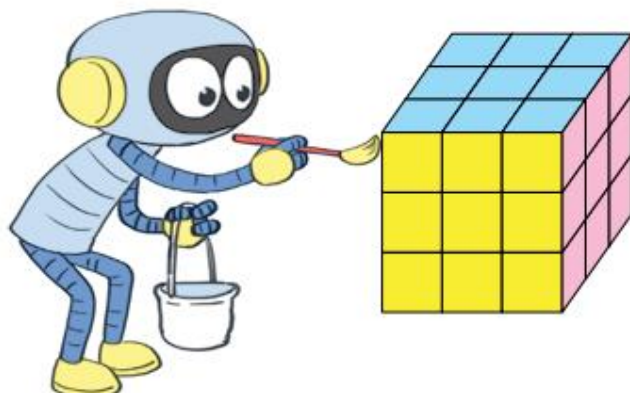




5 Số ?

Rô-bốt xếp 27 khối gỗ lập phương nhỏ thành một khối lập phương lớn rồi sơn tất cả các mặt của khối lập phương lớn đó như hình vẽ.

- a) Số khối lập phương nhỏ được sơn 3 mặt là ? khối.  
b) Số khối lập phương nhỏ được sơn 2 mặt là ? khối.



5 Đố em!

Mai ơi! Từ băng giấy dài  $\frac{2}{3}$  m, làm thế nào lấy được đoạn băng giấy dài  $\frac{1}{2}$  m mà không dùng thước đo nhỉ?

Làm thế nào nhỉ?



Em hãy cùng Mai tìm cách giúp Nam.



## Bài 35

### ÔN TẬP CHUNG



luyện tập

- 1 a) Viết rồi đọc hỗn số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây (theo mẫu).

Mẫu:



Viết:  $1\frac{1}{4}$

Đọc: Một và một phần tư



- b) Chuyển các hỗn số sau thành phân số (theo mẫu).

Mẫu:  $3\frac{2}{5} = \frac{3 \times 5 + 2}{5} = \frac{17}{5}$

$5\frac{2}{5}$

$4\frac{7}{10}$

$6\frac{13}{100}$

- c) Chuyển các phân số sau thành số thập phân (theo mẫu).

Mẫu:  $\frac{31}{25} = \frac{124}{100} = 1,24$

$\frac{96}{50}$

$\frac{327}{300}$

$\frac{204}{125}$

- 2 Tính.

$\frac{5}{7} + \frac{3}{4}$

$\frac{4}{9} + \frac{2}{7}$

$\frac{4}{5} - \frac{2}{3}$

$\frac{5}{9} - \frac{3}{8}$

- 3 Tính bằng cách thuận tiện.

a)  $\frac{5}{7} + \frac{8}{11} + \frac{2}{7}$

b)  $\frac{2}{7} \times \frac{4}{9} + \frac{2}{7} \times \frac{5}{9}$

- 4 Trong một đợt thu gom giấy vụn, lớp 5A đã thu gom được 45 kg giấy vụn, lớp 5B đã thu gom được số giấy vụn bằng  $\frac{2}{3}$  số giấy vụn của lớp 5A, lớp 5C thu gom được ít hơn lớp 5B là 15 kg. Biết 1 kg giấy vụn làm được 15 cuốn vở tái chế. Hỏi số giấy vụn của cả ba lớp làm được bao nhiêu cuốn vở tái chế?



luyện tập

- 1 a) Số ?

| Số gồm                                                                    | Viết là |
|---------------------------------------------------------------------------|---------|
| Một trăm hai mươi ba đơn vị, bốn phần mười, năm phần trăm, bảy phần nghìn | ?       |
| Sáu mươi bảy đơn vị, năm mươi hai phần trăm                               | ?       |
| Tám trăm linh ba đơn vị, bốn trăm năm mươi lăm phần nghìn                 | ?       |
| Mười chín đơn vị, năm phần trăm                                           | ?       |

- b) Nêu cách đọc các số thập phân sau:

35,471

24,607

0,026

5,004

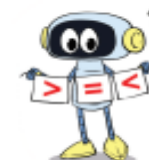
- 2 a)  $>$ ;  $<$ ;  $=$  ?

$5,099$  ?  $5,1$

$6,321$  ?  $6,3209$

$102,30$  ?  $102,3000$

- b) Sắp xếp các số 5,1; 6,321; 5,099; 6,3209 theo thứ tự từ bé đến lớn.



- 3 Đặt tính rồi tính.

$34,28 + 19,45$

$68,72 - 39,24$

$17,32 \times 14$

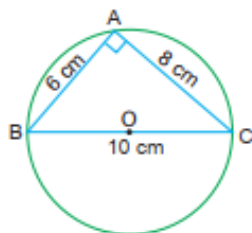
$75,52 : 16$



4 Số ?

Cho hình tam giác vuông ABC và hình tròn tâm O với kích thước như hình vẽ bên.

- a) Diện tích hình tam giác vuông ABC là ?  $\text{cm}^2$ .  
b) Diện tích hình tròn tâm O là ?  $\text{cm}^2$ .  
c) Chu vi hình tròn tâm O là ?  $\text{cm}$ .



5 Có 6 kg đường chia đều vào 12 túi. Hỏi:

- a) 8 túi đường như vậy có bao nhiêu ki-lô-gam đường?  
b) Nếu 1 kg đường loại đó giá 17 000 đồng thì mua 10 túi đường như vậy hết bao nhiêu tiền?



**luyện tập**

1 Chọn câu trả lời đúng.

- a) Số gồm: Ba mươi lăm đơn vị, hai phần mười, không phần trăm, sáu phần nghìn viết là:

A. 35,26      B. 35,026      C. 35,206      D. 35,260

- b) Chữ số 8 trong số thập phân nào dưới đây ở hàng phần trăm?

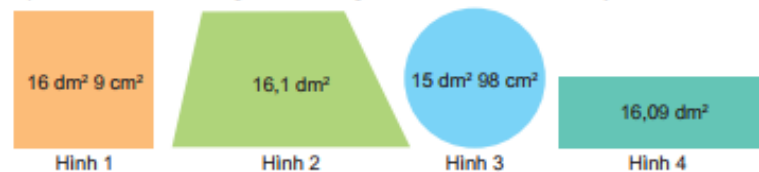
A. 38,025      B. 30,812      C. 32,081      D. 12,308

2 Chọn câu trả lời đúng.

- a) Số thích hợp với dấu "?" của  $1\,052\text{ ha} = ?\text{ km}^2$  là:

A. 0,1052      B. 1,052      C. 10,52      D. 105,2

- b) Diện tích các miếng bìa được ghi như hình vẽ dưới đây.

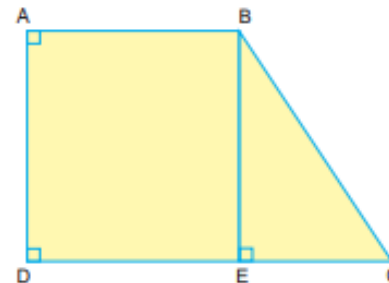


Hình có diện tích lớn nhất là:

A. Hình 1      B. Hình 2      C. Hình 3      D. Hình 4

3 Cho hình thang vuông ABCD có đáy lớn hơn đáy bé 40 cm, có chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy và bằng 80 cm. Đoạn thẳng BE vuông góc với CD chia hình thang thành hình chữ nhật ABED và hình tam giác BCE. Tính:

- a) Diện tích hình tam giác BCE.  
b) Chu vi hình chữ nhật ABED.

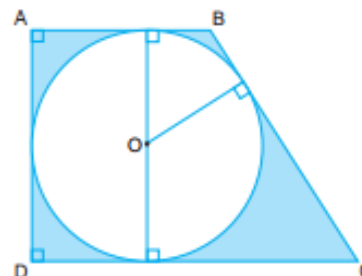


4 Tính giá trị của biểu thức.

a)  $(64,2 - 36,6) : 1,2 + 13,15$

b)  $12,5 \times 3,6 + 12,5 \times 2,4$

5 Rô-bốt đã vẽ hình thang ABCD và hình tròn tâm O (như hình vẽ).



Biết  $AB = 16\text{ cm}$ ,  $CD = 28\text{ cm}$ ,  $AD = \frac{5}{7} CD$ . Tính:

- a) Chu vi hình tròn.  
b) Diện tích phần đã tô màu.



Bài 75

ÔN TẬP CHUNG



Luyện tập

- 1 a) Hoàn thành bảng sau.

| Hàng triệu | Hàng trăm nghìn | Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị | Viết số | Đọc số |
|------------|-----------------|-----------------|------------|-----------|-----------|-------------|---------|--------|
| 3          | 4               | 6               | 1          | 2         | 8         | 5           | ?       | ?      |
| 1          | 3               | 0               | 6          | 5         | 2         | 4           | ?       | ?      |
|            | 7               | 2               | 0          | 4         | 5         | 1           | ?       | ?      |

- b) Nêu giá trị của chữ số 2 trong mỗi số viết ở câu a.

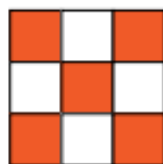
- 2 Sắp xếp các số 67 245, 67 425, 67 524, 65 742 theo thứ tự từ bé đến lớn.

- 3 Chọn câu trả lời đúng.

- a) Đã tô màu  $\frac{5}{8}$  hình nào dưới đây?



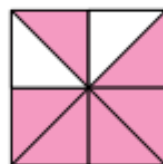
A



B



C



D

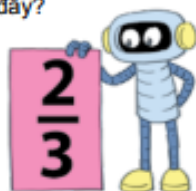
- b)  $\frac{2}{3}$  là phân số rút gọn của phân số nào dưới đây?

A.  $\frac{4}{8}$

B.  $\frac{6}{18}$

C.  $\frac{16}{24}$

D.  $\frac{8}{9}$



- 4 a) Số ?

| Số gồm                                                        | Viết số |
|---------------------------------------------------------------|---------|
| Sáu mươi đơn vị, năm phần mười, bảy phần trăm, hai phần nghìn | ?       |
| Bốn trăm linh năm đơn vị và sáu mươi một phần trăm            | ?       |
| Không đơn vị, bảy mươi tư phần nghìn                          | ?       |

- b) Tìm số thập phân thích hợp rồi đọc số thập phân đó.

$$5 \text{ m } 8 \text{ dm} = ? \text{ m}$$

$$425 \text{ g} = ? \text{ kg}$$

$$74 \text{ cm} = ? \text{ m}$$

$$85 \text{ ml} = ? \text{ l}$$

- 5 a) Sắp xếp các số 70,571; 70,517; 71,057; 70,715 theo thứ tự từ lớn đến bé.

- b) Chọn câu trả lời đúng.



Ba rô-bốt vàng, đỏ, xanh có chiều cao là một trong các số đo: 98 cm; 0,89 m; 1,02 m. Biết rô-bốt vàng cao hơn rô-bốt đỏ nhưng thấp hơn rô-bốt xanh.

- Chiều cao của rô-bốt đỏ là:

A. 98 cm

B. 0,89 m

C. 1,02 m

- Chiều cao của rô-bốt xanh là:

A. 98 cm

B. 0,89 m

C. 1,02 m



**luyện tập**

1 Đặt tính rồi tính.

- a)  $2\,564 + 3\,819$       b)  $62\,835 - 24\,173$   
c)  $342 \times 14$       d)  $2\,625 : 15$

2 Đặt tính rồi tính.

- a)  $148,32 + 270,84$       b)  $197,25 - 92,73$   
c)  $34,6 \times 5,7$       d)  $28,8 : 4,5$

3 Tính giá trị của biểu thức.

- a)  $2\,354 + 1\,736 : 4$       b)  $21,4 \times (37,8 - 32,5)$       c)  $\frac{5}{6} - \frac{2}{3} + \frac{2}{5}$

4 Tính bằng cách thuận tiện.

- a)  $137 \times 25 + 137 \times 75$       b)  $\left(\frac{4}{9} + \frac{3}{5}\right) + \frac{5}{9}$       c)  $124,46 + 98,31 + 75,54$

5 Tính.

- a) 14 giờ 36 phút + 5 giờ 15 phút      b) 10 giờ 15 phút – 6 giờ 30 phút  
c)  $4,5 \text{ giờ} \times 3$       d)  $38,5 \text{ phút} : 5$



**luyện tập**

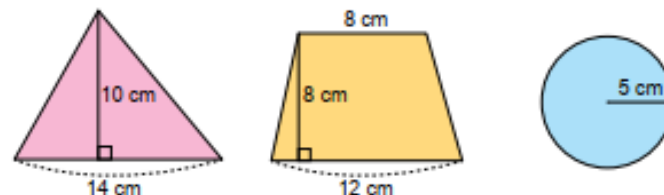
1 Chọn câu trả lời đúng.

- a) Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của  $75 \text{ m} = \dots \text{ km}$  là:  
**A.** 7,5    **B.** 0,75    **C.** 0,075    **D.** 0,0075  
b) Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của  $2 \text{ kg } 45 \text{ g} = \dots \text{ kg}$  là:  
**A.** 245    **B.** 2,45    **C.** 2,045    **D.** 0,245  
c) Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của  $652 \text{ ml} = \dots \text{ l}$  là:  
**A.** 6,52    **B.** 0,652    **C.** 0,0652    **D.** 652

2 Chọn câu trả lời đúng.

- a) Trong 20 hộp sữa chua có 12 hộp là loại sữa chua không đường, còn lại là loại sữa chua có đường. Tỷ số phần trăm của số hộp sữa chua có đường và tổng số hộp sữa chua là:  
**A.** 8%    **B.** 20%    **C.** 4%    **D.** 40%  
b) Lãi suất tiết kiệm là 0,5%/tháng. Bác Tư gửi tiết kiệm 10 000 000 đồng thì sau 1 tháng nhận được cả tiền gửi và tiền lãi là:  
**A.** 150 000 đồng    **B.** 1 050 000 đồng  
**C.** 10 050 000 đồng    **D.** 1 500 000 đồng

3 Nam cắt giấy màu được 3 hình có kích thước như hình dưới đây.



a) Chọn câu trả lời đúng.

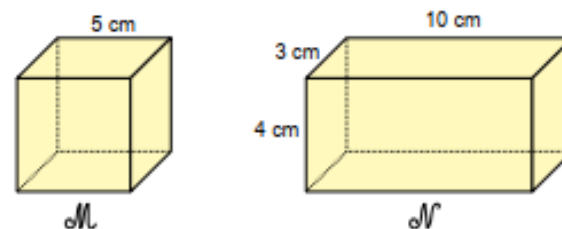
Trong các hình trên, hình có diện tích lớn nhất là:

- A.** Hình tam giác    **B.** Hình thang    **C.** Hình tròn

b) Số ?

Chu vi hình tròn là ? cm.

4 Cho khối gỗ hình lập phương  $\mathcal{M}$  và khối gỗ hình hộp chữ nhật  $\mathcal{N}$  có kích thước như hình dưới đây.





a) Số ?

- Diện tích xung quanh hình lập phương  $M$  là ?  $\text{cm}^2$ .
- Diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật  $N$  là ?  $\text{cm}^2$ .
- Diện tích toàn phần hình lập phương  $M$  là ?  $\text{cm}^2$ .
- Diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật  $N$  là ?  $\text{cm}^2$ .

b) Thể tích hình nào lớn hơn và lớn hơn bao nhiêu xăng-ti-mét khối?

5 Tìm số tự nhiên hoặc số thập phân thích hợp.



$s = 24 \text{ km}$

$v = 96 \text{ km/h}$

$t = ? \text{ giờ}$

$v = 120 \text{ km/h}$

$t = 24 \text{ phút}$

$s = ? \text{ km}$

$s = 5,250 \text{ km}$

$t = 300 \text{ giây}$

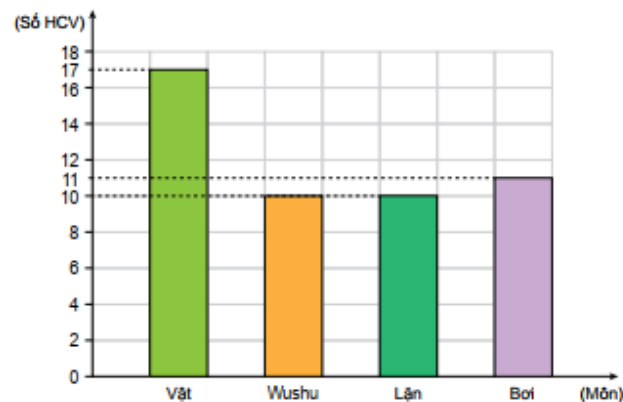
$v = ? \text{ m/s}$



1 Thống kê số huy chương vàng (HCV), huy chương bạc (HCB), huy chương đồng (HCD) bốn môn Vật, Bơi, Lặn, Wushu của Đoàn Việt Nam tại Sea Games 31, ta có bảng sau (theo <https://tuoitre.vn> năm 2022):

| Môn   | HCV | HCB | HCD |
|-------|-----|-----|-----|
| Vật   | 17  | 1   | 0   |
| Bơi   | 11  | 11  | 3   |
| Lặn   | 10  | 5   | 3   |
| Wushu | 10  | 3   | 7   |

a) Biểu đồ dưới đây cho biết số HCV bốn môn Vật, Wushu, Lặn, Bơi của Đoàn Việt Nam tại Sea Games 31.

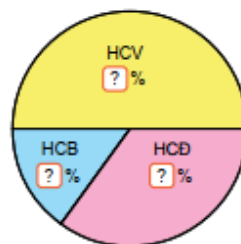


Quan sát biểu đồ rồi trả lời các câu hỏi.

- Môn nào có nhiều HCV nhất?
- Hai môn nào có số HCV bằng nhau?
- Trung bình mỗi môn có bao nhiêu HCV?

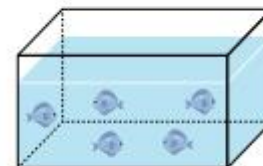
b) Rô-bốt đã vẽ biểu đồ hình quạt tròn bên cho biết tỉ số phần trăm số HCV, HCB, HCD so với tổng số huy chương đạt được của môn Wushu nhưng chưa ghi tỉ số phần trăm của mỗi môn vào biểu đồ.

- Dựa vào bảng thống kê, tìm tỉ số phần trăm của số HCV, HCB, HCD và tổng số huy chương ở môn Wushu, rồi hoàn thành biểu đồ hình quạt tròn đó.
- So sánh tỉ số phần trăm của số HCV với tổng số phần trăm của số HCB và HCD ở môn Wushu.



2 Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật có chu vi đáy là 320 cm, chiều rộng của đáy bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài của đáy, chiều cao bể cá là 50 cm.

- a) Tính chiều dài và chiều rộng đáy bể cá.
- b) Biết mực nước ở bể cá là 40 cm. Hỏi lượng nước hiện có trong bể chiếm bao nhiêu phần trăm so với lượng nước khi đầy bể?



3 Cùng xuất phát ở bến A đi đến khu du lịch B, Việt đi xe buýt thì đến nơi lúc 9 giờ, Mai đi xe taxi đến nơi lúc 8 giờ 15 phút. Rô-bốt cho biết cùng trên quãng đường AB, thời gian đi của taxi bằng  $\frac{2}{3}$  thời gian đi của xe buýt.

- a) Tính thời gian của mỗi xe ô tô đi trên quãng đường AB.
- b) Tính độ dài quãng đường AB, biết vận tốc của xe taxi là 60 km/h.



4 Một tỉnh miền núi có diện tích khoảng 10 000  $\text{km}^2$ . Mật độ dân số ở tỉnh đó khoảng 80 người/ $\text{km}^2$  (nghĩa là cứ mỗi ki-lô-mét vuông có trung bình 80 người). Nếu muốn tăng mật độ dân số của tỉnh đó lên 90 người/ $\text{km}^2$  thì số dân của tỉnh phải tăng thêm bao nhiêu người?



## 9. MINH HOẠ SÁCH ĐƯỢC CHÚ TRỌNG



### Héc-ta

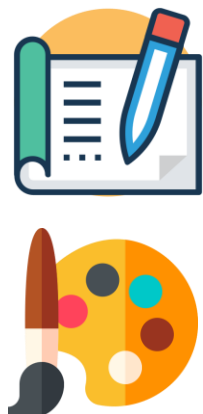
Vườn quốc gia Tràm Chim ở vùng Đồng Tháp Mười  
có tổng diện tích hơn 7 500 héc-ta.  
(Nguồn: vqgtc.dongthap.gov.vn)



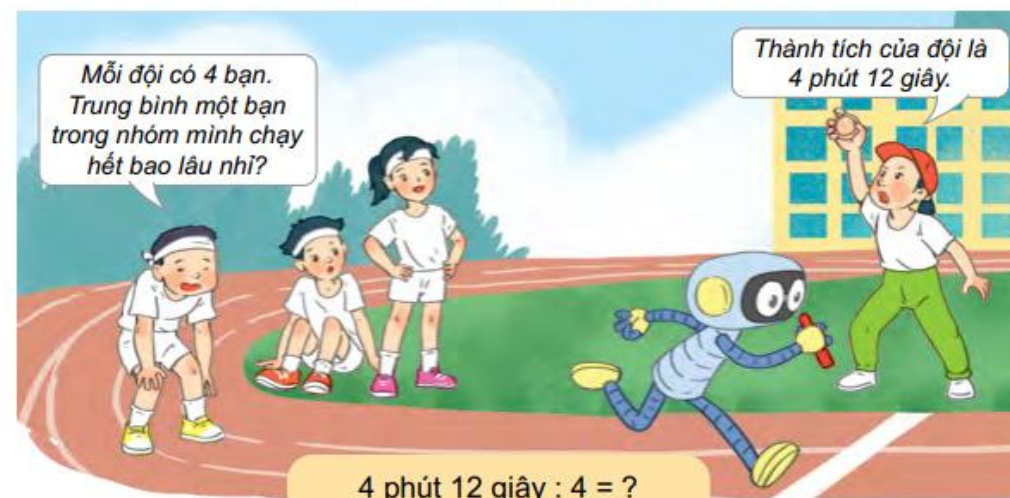
- Để đo diện tích đất trong những ngành như nông nghiệp, lâm nghiệp,... người ta thường dùng đơn vị: héc-ta.
- Héc-ta là diện tích của hình vuông có cạnh dài 100 m.
- Héc-ta viết tắt là ha.
- $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$ .
- $1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha}$ .

- 3 Thỏ và rùa vào rừng hái nấm, hai bạn hái được tất cả 84 cây nấm. Vì thỏ mãi chơi nên chỉ hái được số nấm bằng  $\frac{2}{5}$  số nấm của rùa. Tìm số nấm mà mỗi bạn đã hái.





### Chia số đo thời gian cho một số



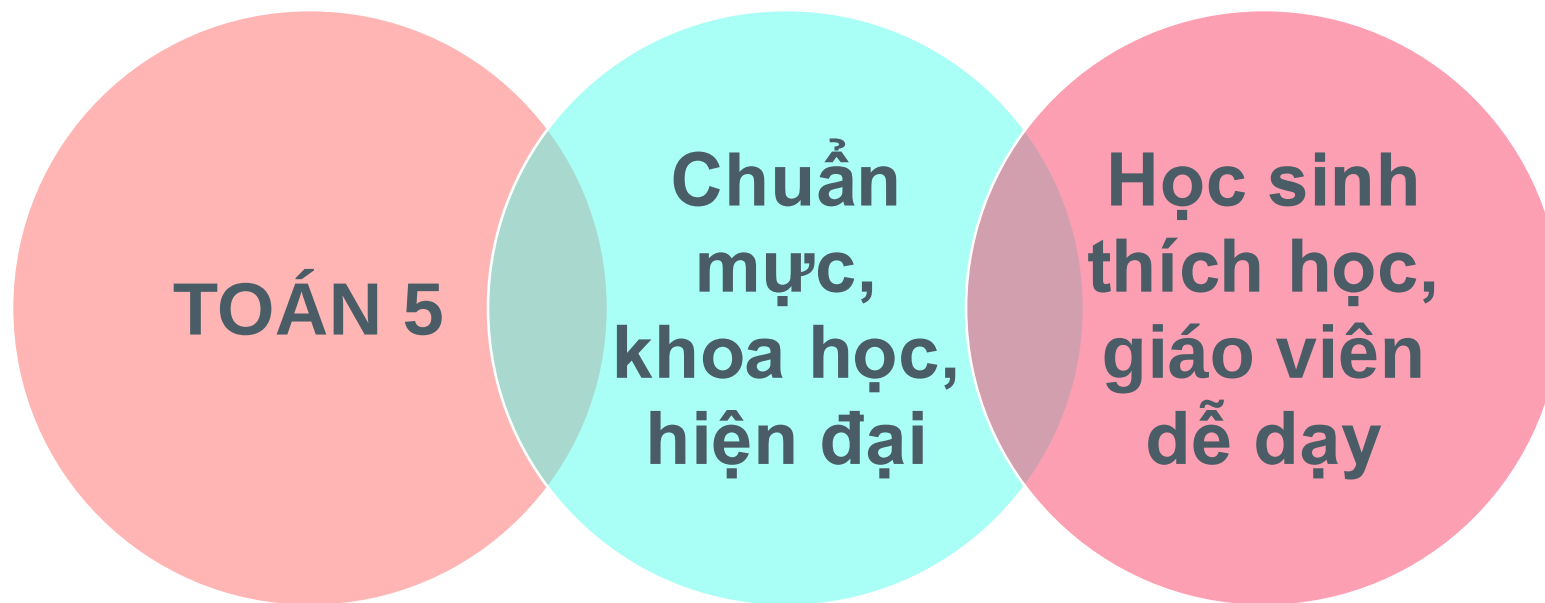
$$4 \text{ phút } 12 \text{ giây} : 4 = ?$$

|                |               |
|----------------|---------------|
| 4 phút 12 giây | 4             |
| 0              | 1 phút 3 giây |
| 12 giây        |               |
| 0              |               |



TỔNG KẾT







## Phần hai

# PHÂN TÍCH NỘI DUNG VÀ PPDH SGK TOÁN 5

Cách tiếp cận nội dung và phương pháp dạy học các mạch kiến thức trong sách giáo khoa Toán 5



- Nội dung SGK Toán 5 được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
- Mô hình tiếp cận nội dung:





# I. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

## SỐ VÀ PHÉP TÍNH

### SỐ VÀ PHÉP TÍNH

1. Ôn tập số  
tự nhiên và  
phép tính

2. Ôn tập, bổ  
sung về  
phân số và  
phép tính

3. Số thập  
phân và  
phép tính



## 1. ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN VÀ PHÉP TÍNH

LỰU PHÉP TÍNH  
TẬP SỐ TỰ NHIÊN

### 1. Ôn tập số tự nhiên và phép tính

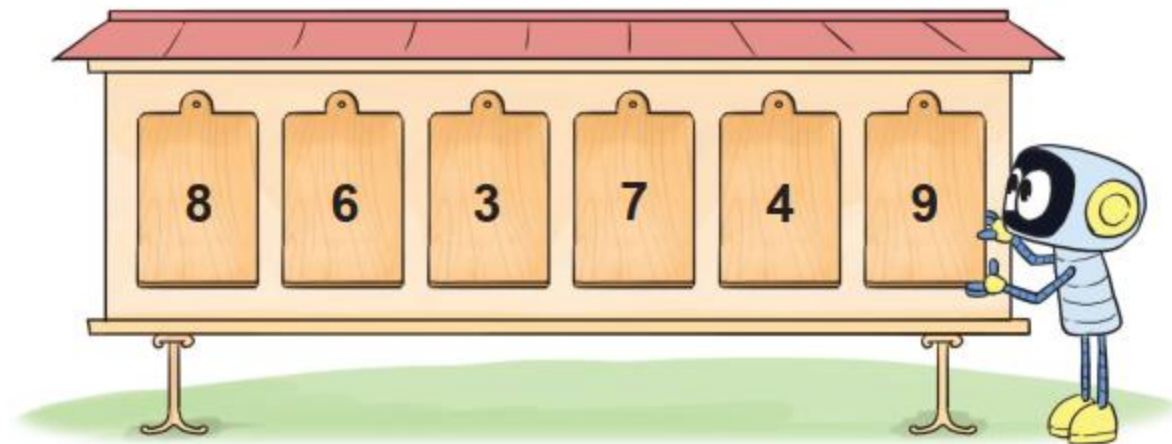
- Giai đoạn Lớp 4 là giai đoạn kết thúc dạy học về số tự nhiên ở cấp Tiểu học nên trong SGK Toán 5, các kiến thức này được nhắc lại, củng cố, hệ thống trong phần ôn tập đầu năm. Yêu cầu cần đạt của phần ôn tập đó là HS được củng cố và hoàn thiện các kĩ năng, kiến thức về số tự nhiên (như đọc, viết, so sánh các số tự nhiên, các phép tính với số tự nhiên, ước lượng và làm tròn số, dãy số tự nhiên).
- Khi vận dụng, thực hành, HS được tiếp cận với một số bài toán mà HS cần vận dụng linh hoạt kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
- Ví dụ:



## 1. ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN VÀ PHÉP TÍNH

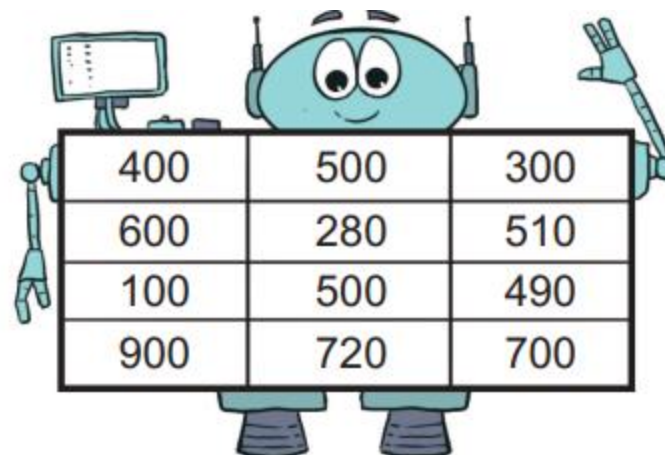
LUYỆN TẬP  
TÍNH TOÁN SỐ TỰ NHIÊN

- 4 Rô-bốt lập số 863 749 bằng các tấm thẻ như hình dưới đây.



Em hãy đổi chỗ 2 tấm thẻ để nhận được một số lẻ lớn nhất.

- 4 Tính tổng tất cả các số trong hình bên bằng cách thuận tiện.



|     |     |     |
|-----|-----|-----|
| 400 | 500 | 300 |
| 600 | 280 | 510 |
| 100 | 500 | 490 |
| 900 | 720 | 700 |

## 2. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ VÀ PHÉP TÍNH

LÀ PHÉP TÍNH  
SỬ DỤNG LỆ NHẬN SỐ  
SỐ ON TẬP VÀ BỔ

– Ôn tập những kiến thức cơ bản về phân số (như đọc, viết, rút gọn, so sánh phân số và các phép tính với phân số, trong đó có phép tính cộng, trừ hai phân số có mẫu số chia hết cho nhau). Bổ sung nội dung cộng, trừ hai phân số có mẫu số khác nhau (hai mẫu số không chia hết cho nhau). Như vậy sau Toán 5, HS có thể thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia hai phân số bất kì một cách thành thạo. Đây là một điểm khác biệt của chương trình 2018 so với chương trình 2006. Trong chương trình 2006, toàn bộ các phép tính với phân số được giới thiệu ở lớp 4.

– Việc ôn tập, phát triển các kiến thức về phân số cũng là một bước đệm quan trọng trước khi HS tiếp cận một khái niệm kiến thức mới – số thập phân (ở chủ đề 2). Trong khi ôn tập và bổ sung (ở chủ đề 1), HS nhận biết được kiến thức về phân số thập phân và hỗn số.

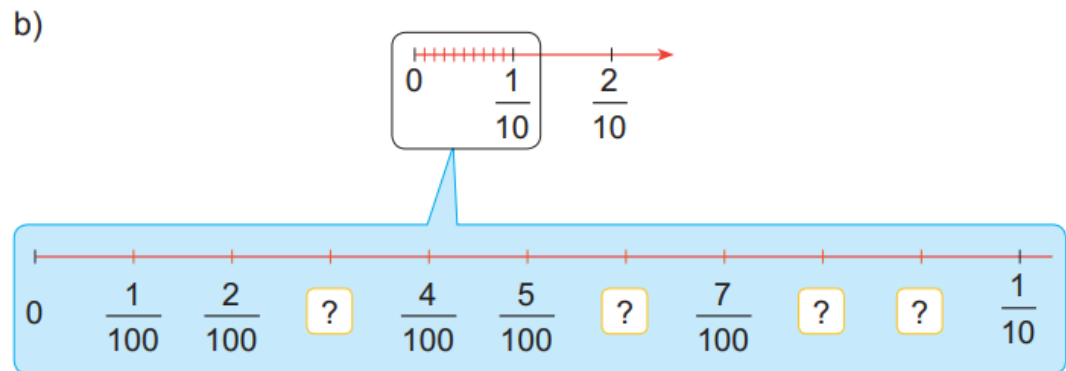
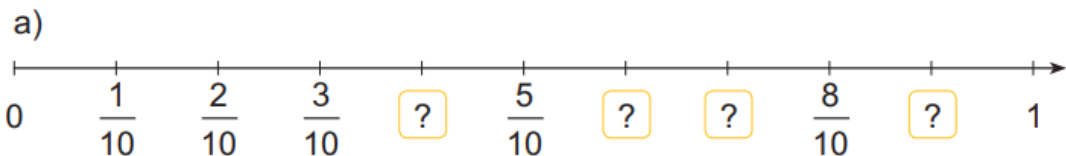
Ví dụ:



## 2. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ VÀ PHÉP TÍNH

PHẦN 2: LUYỆN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ  
PHÂN SỐ VÀ PHÉP TÍNH

**2** Tìm phân số thập phân thích hợp.



**3** Viết (theo mẫu).

Mẫu:  $\frac{31}{10} = \frac{30 + 1}{10} = \frac{30}{10} + \frac{1}{10} = 3 + \frac{1}{10} = 3 \frac{1}{10}$

$$\frac{57}{10}$$

$$\frac{703}{100}$$

$$\frac{63}{10}$$

$$\frac{3\,005}{1\,000}$$

**1** Tính.

a)  $\frac{6}{11} + \frac{1}{2}$

b)  $\frac{3}{10} + \frac{5}{21}$

c)  $\frac{11}{4} - \frac{7}{5}$

d)  $\frac{20}{18} - \frac{2}{5}$

**2** Chọn dấu “+”, dấu “-” thích hợp thay cho dấu “?”.

a)  $\frac{1}{20} \text{ ? } \frac{2}{3} = \frac{43}{60}$

b)  $\frac{7}{11} \text{ ? } \frac{5}{8} = \frac{1}{88}$

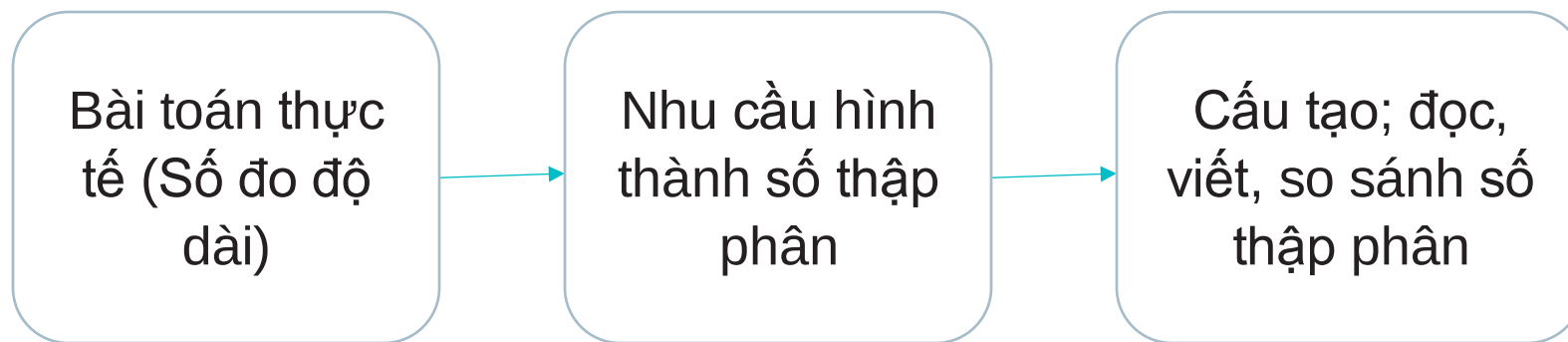


### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### a) Dạy học số thập phân

a) Dạy học số thập phân  
PHÉP TÍNH  
3. SỐ THẬP PHÂN VÀ

– Xây dựng khái niệm ban đầu về số thập phân theo mô hình sau:



- Cấu tạo số thập phân được hình thành theo hai mức độ:
- + HS phân biệt được số thập phân gồm phần nguyên và phần thập phân.
- + HS nhận biết được số thập phân gồm các hàng ở phần nguyên và các hàng ở phần thập phân.

Ví dụ:



### 3. SỐ THẬP PHẦN VÀ PHÉP TÍNH

#### a) Dạy học số thập phân

#### a) Dạy học số thập phân và phép tính

#### 3. SỐ THẬP PHẦN VÀ PHÉP TÍNH

– Cách đọc, viết số thập phân cơ bản như hướng dẫn trong SGK. Tuy nhiên có thể cho HS đọc, viết tắt trong một số trường hợp đặc biệt, chẳng hạn:

b) Đọc các số thập phân 0,4; 0,5; 0,04; 0,05 (theo mẫu).

Mẫu: 0,4 đọc là không phẩy bốn.

0,04 đọc là không phẩy không bốn.

– So sánh số thập phân về quy tắc thực hiện không thay đổi so với chương trình 2006. Tuy nhiên, trong SGK Toán 5 chương trình 2018 đã thu gọn cấu trúc (so sánh quan hệ lớn hơn, bé hơn và bằng nhau trong cùng một bài học).



### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### a) Dạy học số thập phân

a) Dạy học số thập phân  
PHÉP TÍNH  
3. SỐ THẬP PHÂN VÀ

– Dạy học về nội dung viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân thực chất là giúp HS biết cách đổi số đo đại lượng từ đơn vị bé sang đơn vị lớn trong những trường hợp mà ở lớp 1, 2, 3, 4 chưa giải quyết được (do số đo cần viết là số thập phân).

Ví dụ:

**2** a) Tìm số thập phân thích hợp.

$$3 \text{ m } 45 \text{ cm} = \boxed{?} \text{ m}$$

$$4 \text{ cm}^2 \text{ } 6 \text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$$

$$5 \text{ kg } 256 \text{ g} = \boxed{?} \text{ kg}$$

$$518 \text{ ml} = \boxed{?} \text{ l}$$

### 3. SỐ THẬP PHẦN VÀ PHÉP TÍNH

#### a) Dạy học số thập phân

a) Dạy học số thập phân  
PHÉP TÍNH

3. SỐ THẬP PHẦN VÀ

– Dạy học làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, hàng phần trăm là nội dung mới không có trong chương trình 2006. Khi dạy học, GV nên kết nối với các bài ước lượng, làm tròn số ở các lớp 2, 3, 4. Cách xây dựng nội dung này cũng tương tự như ở các lớp trước khi học về ước lượng, làm tròn số.

Ví dụ:

Khi làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, ta so sánh chữ số hàng phần mười với 5.



$31,2 \xrightarrow[\text{Làm tròn xuống}]{\text{Vì } 2 < 5} 31$

$31,56 \xrightarrow[\text{Làm tròn lên}]{\text{Vì } 5 = 5} 32$

$31,75 \xrightarrow[\text{Làm tròn lên}]{\text{Vì } 7 > 5} 32$

Khi làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, ta so sánh chữ số ở hàng phần mười với 5. Nếu chữ số hàng phần mười bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### b) Dạy học phép tính với số thập phân

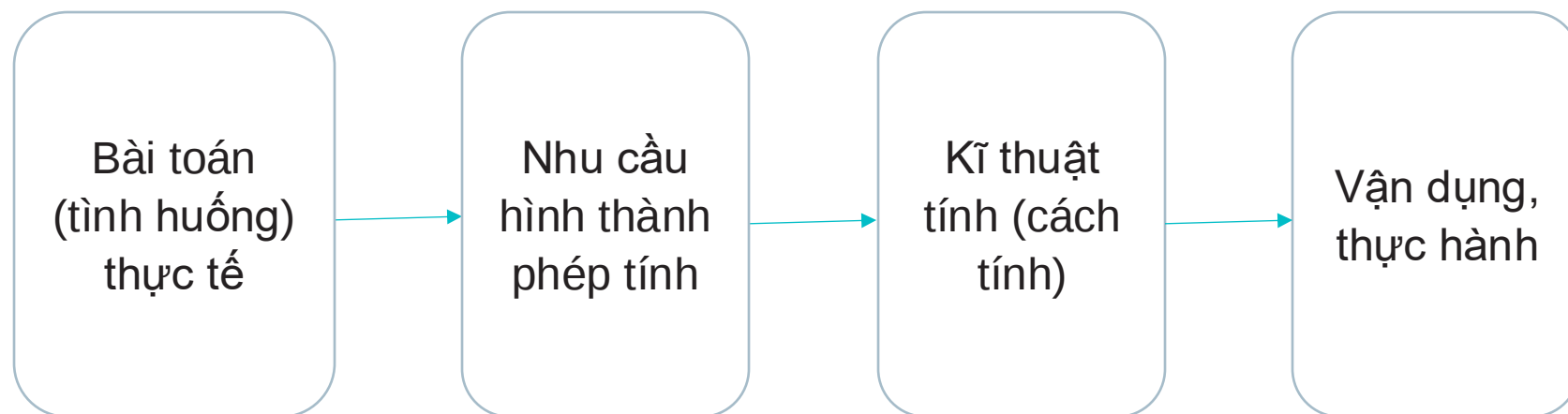
Loại số thập phân

p) Dạy học phép tính

PHÉP TÍNH

3. SỐ THẬP PHÂN VÀ

– Dạy học phép tính số thập phân thường theo mô hình sau:



Ví dụ:

### 3. SỐ THẬP PHẦN VÀ PHÉP TÍNH

#### b) Dạy học phép tính với số thập phân

Loại số thập phân

p) Dạy học phép tính

PHÉP TÍNH

3. SỐ THẬP PHẦN VÀ PHÉP TÍNH



$$1,65 + 1,26 = ? \text{ (m)}$$

Để tìm kết quả của phép cộng này, ta có thể chuyển về phép cộng hai số tự nhiên.

Ta có:  $1,65 \text{ m} = 165 \text{ cm};$

$1,26 \text{ m} = 126 \text{ cm}.$

$$\begin{array}{r} 165 \\ + 126 \\ \hline 291 \text{ (cm)} \end{array}$$

$291 \text{ cm} = 2,91 \text{ m}$

Vậy:  $1,65 + 1,26 = 2,91 \text{ (m)}.$

Ta đặt tính rồi tính như sau:

$$\begin{array}{r} 1,65 \\ + 1,26 \\ \hline 2,91 \end{array}$$

- Đặt tính sao cho các chữ số ở cùng hàng thì thẳng cột.
- Thực hiện phép cộng như cộng hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của hai số hạng.





### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### b) Dạy học phép tính với số thập phân

Loại số thập phân

p) Dạy học phép tính

PHÉP TÍNH

3. SỐ THẬP PHÂN VÀ

– Phép nhân, chia số thập phân được giảm tải so với Toán 5 CT 2006:

+ Chỉ thực hiện phép nhân, chia với số có dạng 0,ab hoặc a,b.

Chẳng hạn:  $3,14 \times 0,25$  hoặc  $7,75 : 3,1$ .

+ Giảm các phép tính dạng phức tạp  
(Chẳng hạn:  $3,14 \times 0,425$  hoặc  $2,875 : 1,15$ ).

Trong SGK Toán 5 mới có tăng cường dạy học máy tính cầm tay, GV có thể cho HS sử dụng để tính các phép tính dạng phức tạp đó.



### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### b) Dạy học phép tính với số thập phân

Loại số thập phân

p) Dạy học phép tính

PHÉP TÍNH

3. SỐ THẬP PHÂN VÀ

– Tăng cường dạy học tính nhẩm, ước lượng và làm tròn số khi thực hiện phép tính với số thập phân. Chẳng hạn: Nhân, chia số thập phân với 10; 100; 1 000;... hoặc với 0,1; 0,01; 0,001;... thực chất là cách tính nhẩm cho các phép tính dạng này bằng cách dịch chuyển dấu phẩy của số thập phân hoặc số tự nhiên được đem nhân, chia với 10; 100; 1 000;... hoặc với 0,1; 0,01; 0,001;... một cách thích hợp (theo quy tắc như SGK đã giới thiệu).

Chẳng hạn:

$$0,2864 \times 1\,000 = 286,4; \quad 2\,864 : 1\,000 = 2,864.$$



### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### b) Dạy học phép tính với số thập phân

Loại số thập phân

p) Dạy học phép tính

PHÉP TÍNH

3. SỐ THẬP PHÂN VÀ

– Theo CT 2018, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng được đưa vào Toán 5 với các số thập phân.

Chẳng hạn:

$$\bullet 3,2 \times (5,4 + 2,3) = 3,2 \times 5,4 + 3,2 \times 2,3.$$

$$\bullet 3,14 \times 2,5 + 3,14 \times 7,5 = 3,14 \times (2,5 + 7,5)$$

$$= 3,14 \times 10$$

$$= 31,4.$$



### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### b) Dạy học phép tính với số thập phân

Loại số thập phân

p) Dạy học phép tính

PHÉP TÍNH

– Dạy học tỉ số, tỉ số phần trăm và các bài toán liên quan.

+ Sự khác biệt, đổi mới về cấu trúc nội dung dạy học: Trong chương trình 2006, nội dung *Tỉ số* và các bài toán *Tìm hai số biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của hai số* đó được học ở lớp 4. Trong chương trình 2018 *Tỉ số, tỉ số phần trăm* và các bài toán liên quan học ở lớp 5. Trong SGK Toán 5, nội dung dạy học *Tỉ số* và *tỉ số phần trăm* ở bài 36, *Các bài toán liên quan* ở các bài 38, 39, 40, 41.

### 3. SỐ THẬP PHÂN VÀ PHÉP TÍNH

#### b) Dạy học phép tính với số thập phân

Loại 2018 và 2006

p) Dạy học phép tính

PHÉP TÍNH

3. SỐ THẬP PHÂN VÀ

+ Ở lớp 5 chương trình 2006 có ba bài toán về tỉ số phần trăm là: *Tìm tỉ số phần trăm của hai số; Tìm giá trị phần trăm của một số và Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.* Ở chương trình 2018 chỉ giới thiệu hai bài toán về tỉ số phần trăm là: *Tìm tỉ số phần trăm của hai số và Tìm giá trị phần trăm của một số.*

+ Nội dung dạy học *Tỉ lệ bản đồ và ứng dụng* ở chương trình 2018 cơ bản như ở lớp 4 chương trình 2006, tuy nhiên trong SGK Toán 5 có tăng cường các bài toán thực tế.

+ Nội dung dạy học *Sử dụng máy tính cầm tay* ở chương trình 2018 cơ bản như ở lớp 5 chương trình 2006. Tuy nhiên yêu cầu về mức độ sử dụng tăng cường hơn, đó là với các bài toán về tìm tỉ số phần trăm, tìm giá trị phần trăm của một số và giải quyết các bài toán thực tế liên quan.



## II. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

# HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

## HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

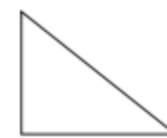
1. Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng đơn giản.

Trong Toán 5- CT 2018, ngoài việc giới thiệu các hình tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù còn giới thiệu thêm hình tam giác đều. Học sinh nhận biết dạng các loại hình tam giác nhọn, vuông, tù dựa trên quan sát trực quan (về góc ở đỉnh tam giác là nhọn, vuông hay tù). Riêng với tam giác đều, nhận biết qua các cạnh (có 3 cạnh bằng nhau) hoặc qua yếu tố góc (có 3 góc bằng nhau).

### a) Hình tam giác



Hình tam giác có 3 góc nhọn gọi là *hình tam giác nhọn*.



Hình tam giác có một góc vuông gọi là *hình tam giác vuông*.



Hình tam giác có một góc tù gọi là *hình tam giác tù*.



- Hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau gọi là *hình tam giác đều*.
- Hình tam giác đều có 3 góc bằng nhau và cùng bằng  $60^\circ$ .

# HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

## HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

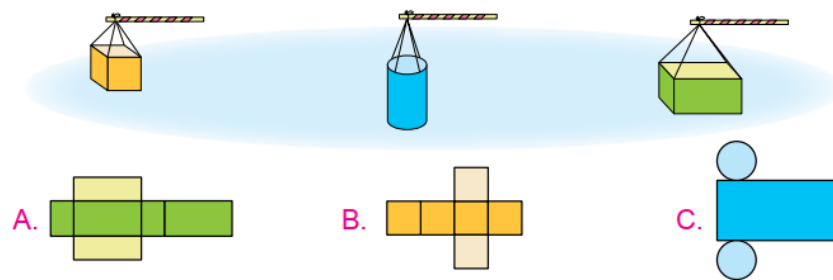
2. Trong CT 2018, việc nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm một số hình khối (như khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu đã được giới thiệu từ lớp 1, 2, 3. Đến lớp 5 chủ yếu giúp HS nhận biết hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ. Ở lớp 5 CT 2006 có giới thiệu về hình trụ, hình cầu nhưng không học về hình khai triển của hình trụ.

– Dạy học hình khai triển của hình khối giúp HS phát triển trí tưởng tượng không gian (khi từ hình khai triển gấp lên thành hình khối tương ứng).

– Nội dung hình khai triển của hình khối giúp HS có cơ sở nhận biết và tính được diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lập phương, hình hộp chữ nhật.



1 Tìm miếng bìa là hình khai triển thích hợp với mỗi chiếc đèn lồng.



3. Về dạy học vẽ hình phẳng (trong CT 2018, ở cấp Tiểu học không có nội dung dạy học vẽ hình khối).

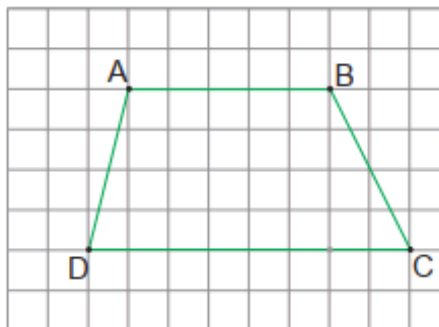
– Yêu cầu HS vẽ được đường cao hình tam giác (qua đó vẽ được đường cao hình thang) bằng ê ke, thước thẳng; vẽ được đường tròn có tâm và bán kính (hoặc đường kính) cho trước. Cách vẽ tương tự như SGK Toán 5-CT 2006.

– Yêu cầu HS vẽ được hình thang, hình bình hành, hình thoi (sử dụng lưới ô vuông, có giảm tải so với CT 2006).

b) Vẽ hình thang ABCD với hai đáy là AB và DC.

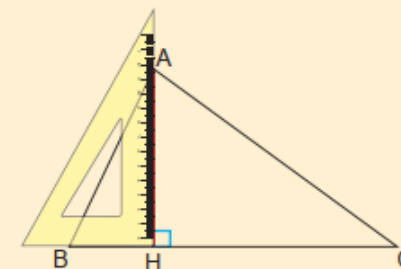
Ta có thể làm như sau:

- Vẽ đoạn thẳng AB.
- Vẽ đoạn thẳng DC song song với đoạn thẳng AB.
- Nối A với D và B với C ta được hình thang ABCD với hai đáy là AB và DC.



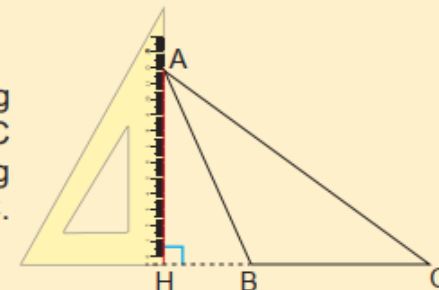
a) Vẽ đường cao của hình tam giác có hai góc nhọn ở đáy.

Qua đỉnh A, vẽ đường thẳng vuông góc với cạnh BC, cắt BC tại điểm H; AH là đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác ABC.



b) Vẽ đường cao của hình tam giác có một góc tù ở đáy.

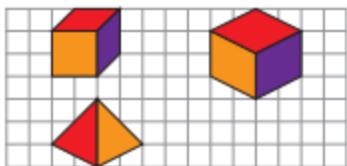
- Kéo dài cạnh BC.
- Qua đỉnh A, vẽ đường thẳng vuông góc với đường thẳng BC, cắt BC tại điểm H; AH là đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác ABC.





4. Trong Toán 5-CT 2018 tăng cường hoạt động vận dụng, thực hành trải nghiệm, thực hành vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học; chú trọng đến ứng dụng hình học trong thực tiễn, gắn với nội dung giáo dục thẩm mỹ, phát triển trí tưởng tượng, phát triển năng lực mô hình hoá toán học,...

1 Cắt rời dán để tạo thành các hình (theo mẫu).



2 Trò chơi xếp hình.



Từ 7 miếng ghép của bộ trò chơi xếp hình, em hãy xếp thành các hình dưới đây.



Bài 28

**THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM  
ĐO, VẼ, LẮP GHÉP, TẠO HÌNH**



Trong tiết học này, chúng ta hãy cùng nhau tạo hình ngôi nhà.

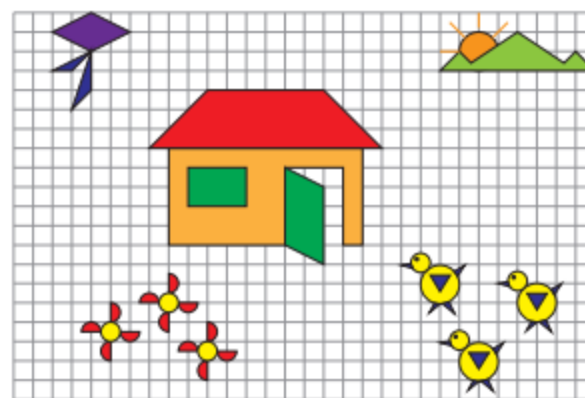
1 Làm nhà.

Cắt rời dán để tạo hình ngôi nhà (theo mẫu).



2 Trồng hoa, nuôi gà.

Cắt rời dán để tạo hình các con gà và các bông hoa (theo mẫu).



Hãy cùng chia sẻ ngôi nhà của em nhé!

5. Những thay đổi và sự khác biệt về nội dung dạy học Đo lường trong Toán 5.

– Ở CT 2006, đơn vị  $\text{km}^2$  được giới thiệu ở Toán lớp 4, đơn vị  $\text{mm}^2$  được giới thiệu ở Toán lớp 5. Tuy nhiên Chương trình 2018, đơn vị  $\text{km}^2$  được giới thiệu ở lớp 5, đơn vị  $\text{mm}^2$  được giới thiệu ở lớp 4. Cụ thể trong Toán 5, đơn vị  $\text{km}^2$  được giới thiệu trong bài học “Ki-lô-mét vuông. Héc- ta”; trong Toán 4, đơn vị  $\text{mm}^2$  được giới thiệu trong bài học “Đề-xi-mét vuông. Mét vuông. Mi-li-mét vuông”. Chương trình mới cũng bỏ bớt một số đơn vị đo diện tích ít thông dụng (như dag, hg, dam, hm, dam<sup>2</sup>, hm<sup>2</sup>), do đó cũng không có nội dung dạy học “Bảng các đơn vị đo đại lượng” như SGK CT 2006.

– Trong CT 2018 có thêm một số đơn vị đo đại lượng mà CT 2006 không có. Tuy rằng đã học ở các lớp trước nhưng SGK Toán 5 CT 2018 có nhắc lại, hệ thống và vận dụng vào các bài toán thực tế. Chẳng hạn: Thêm số đo nhiệt độ  $^{\circ}\text{C}$  ( $5^{\circ}\text{C}$ ,  $35^{\circ}\text{C}$ ,...); số đo góc (góc  $30^{\circ}$ , góc  $120^{\circ}$ ,...)

– Trong CT 2018, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc có sự thay đổi so với chương trình năm 2006. Cụ thể, chương trình mới sử dụng kí hiệu km/h thay cho cách kí hiệu km/giờ, sử dụng kí hiệu m/s thay cho kí hiệu m/giây. Các bài toán chuyển động đều ở mức độ cơ bản, gần với thực tế, nhưng vẫn có tình huống phát triển năng lực (giảm tải các dạng toán phức tạp về chuyển động cùng chiều, ngược chiều; chuyển động xuôi dòng, ngược dòng sông, ...)

6. SGK Toán 5-CT 2018 tăng cường các bài toán vận dụng thực hành, trải nghiệm. Yêu cầu HS sử dụng được một số dụng cụ thông dụng để thực hành cân, đo, đong, đếm, xem thời gian, mua bán với các đơn vị đo đại lượng và tiền tệ đã học.

## Bài 17

### THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG



Nhà trường lên kế hoạch lát lại toàn bộ sàn các phòng học. Khối lớp Năm được giao nhiệm vụ đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của các lớp, từ đó dự tính chi phí cho việc lát sàn.



- Thực hành đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của lớp em.
- Tính số tiền mua gạch để lát mặt sàn phòng học lớp em. Mẫu gạch được chọn có dạng hình vuông cạnh 50 cm được đóng theo hộp 4 viên, mỗi hộp có giá 140 000 đồng.
- Giả sử các phòng học khác trong trường có diện tích mặt sàn bằng diện tích mặt sàn phòng học của lớp em. Tính số tiền để mua gạch lát lại mặt sàn của tất cả các phòng học trong trường em.



- Các bạn lớp 5A lên kế hoạch làm giá sách của lớp. Các bạn dự định đặt mua các tấm gỗ với kích thước và số lượng như trong bảng dưới đây.

| Tấm gỗ                                                                                              | Số lượng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|  200 cm<br>25 cm | 4        |
|  25 cm<br>40 cm  | 10       |



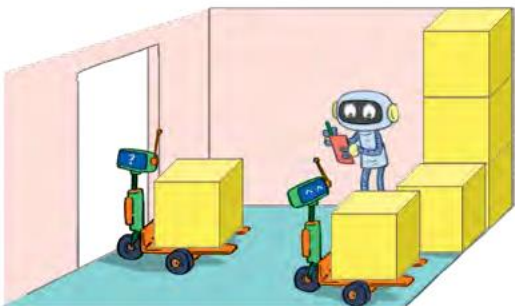
Loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m<sup>2</sup>. Tính số tiền mua gỗ để làm giá sách đó.

- Hãy thiết kế giá sách của lớp em. Tính số tiền mua gỗ làm chiếc giá sách đó nếu loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m<sup>2</sup>.

7. Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng  
– Trong Toán 5- CT 2018, nội dung dạy học tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng thường được lồng ghép vào giải các bài toán thực tế (có tình huống) liên quan đến phép tính, so sánh các số đo đại lượng (đổi các số đo đại lượng về cùng đơn vị đo dưới dạng số thập phân rồi thực hiện tính hoặc so sánh).

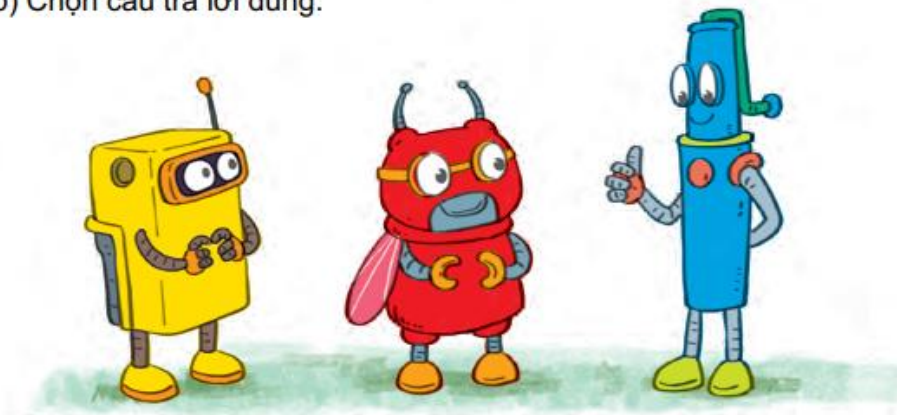
– Nhấn mạnh đến yêu cầu HS thực hiện được việc ước lượng thể tích trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: thể tích của hộp phấn viết bảng,...).

- 2 Em hãy ước lượng chiều rộng, chiều dài, chiều cao phòng học của em. Nếu trường em có một phòng kho cùng kích thước với phòng học của em thì phòng kho đó có thể xếp được nhiều nhất bao nhiêu thùng đồ dạng hình lập phương có thể tích  $1 \text{ m}^3$ ?



- 5 a) Sắp xếp các số 70,571; 70,517; 71,057; 70,715 theo thứ tự từ lớn đến bé.

b) Chọn câu trả lời đúng.



Ba rô-bốt vàng, đỏ, xanh có chiều cao là một trong các số đo: 98 cm; 0,89 m; 1,02 m. Biết rô-bốt vàng cao hơn rô-bốt đỏ nhưng thấp hơn rô-bốt xanh.

- Chiều cao của rô-bốt đỏ là:  
A. 98 cm                      B. 0,89 m                      C. 1,02 m
- Chiều cao của rô-bốt xanh là:  
A. 98 cm                      B. 0,89 m                      C. 1,02 m



# HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

## HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG



– Tương tự SGK Toán 5-CT 2006, SGK Toán 5- CT 2018 cũng có nội dung dạy học tính diện tích, thể tích các hình phẳng, hình khối đơn giản. Tuy nhiên cách cấu trúc, tiếp cận nội dung và phương pháp dạy học có phần khác biệt.

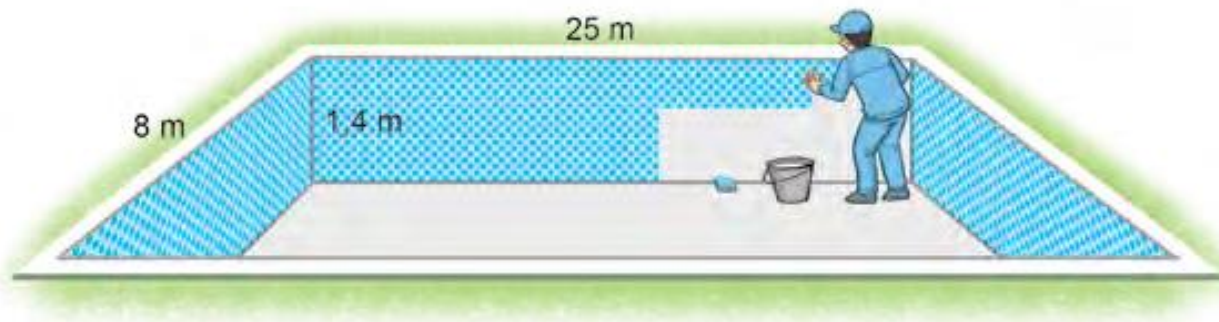
+ Trong SGK Toán 5 CT 2006, nội dung dạy học tính diện tích, thể tích các hình thường đưa vào mạch kiến thức “giải toán có nội dung hình học” như là “giải bài toán có lời văn”. Trong SGK Toán 5 CT 2018, nội dung này được lồng ghép trong mạch kiến thức “Hình học và Đo lường”. Sự kết hợp giữa “Hình học” và “Đo lường” giúp HS vừa nhận biết hình trên cơ sở những yếu tố cơ bản về cạnh, góc, đỉnh, mặt, vừa vận dụng được các công thức để tính toán, so sánh các số đo đại lượng khi giải các bài toán tính diện tích, thể tích của một hình.

+ Trong SGK Toán 5 CT 2018 giảm tải những bài toán tính diện tích, thể tích của hình phẳng, hình khối phức tạp có nhiều số đo khác đơn vị,... đồng thời tăng cường vận dụng tính diện tích, thể tích vào các bài toán có tình huống đơn giản gắn với thực tế gần gũi HS.

Ví dụ:

## HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

- 3** Một bể bơi dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 25 m, chiều rộng 8 m và sâu 1,4 m. Người ta lát ở đáy và xung quanh bể bơi bằng những viên gạch hoa. Tính diện tích lát gạch.



- 4** Chú Tư xếp các hộp đựng loa lên xe tải có kích thước thùng xe như trong hình vẽ. Biết các hộp đều có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 0,5 m, chiều rộng 0,4 m và chiều cao 0,3 m. Hỏi chú Tư có thể xếp được 64 hộp như vậy lên thùng xe hay không?





### III. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT



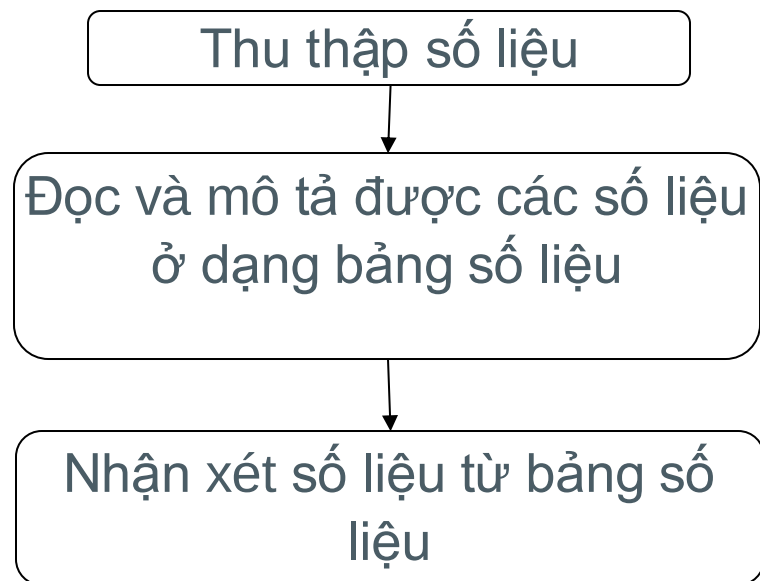
# YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

## YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT



1. Tương tự SGK Toán 2, Toán 3 và Toán 4, cách tiếp cận nội dung và phương pháp dạy học yếu tố Thống kê và Xác suất trong SGK Toán 5 là đi từ bài toán, tình huống đơn giản có trong thực tiễn, gần gũi với HS tiểu học để giúp HS cảm nhận, nhận biết những khả năng xảy ra của một sự kiện (mức độ như nêu ở phần yêu cầu cần đạt). Chẳng hạn theo các mô hình sau:

### a) Mô hình về thống kê số liệu



Trong thời gian trải nghiệm quy trình đóng gói thanh long xuất khẩu, Rô-bốt tham gia cân và phân loại các quả thanh long theo cân nặng: từ 300 g đến 380 g, từ 381 g đến 460 g, từ 461 g đến 600 g.



Sau đó, Rô-bốt lập bảng số liệu như sau:

| Loại           | S<br>(300 g đến 380 g) | M<br>(381 g đến 460 g) | L<br>(461 g đến 600 g) |
|----------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng (quả) | 27                     | 43                     | 36                     |

Nhìn vào bảng ta biết:

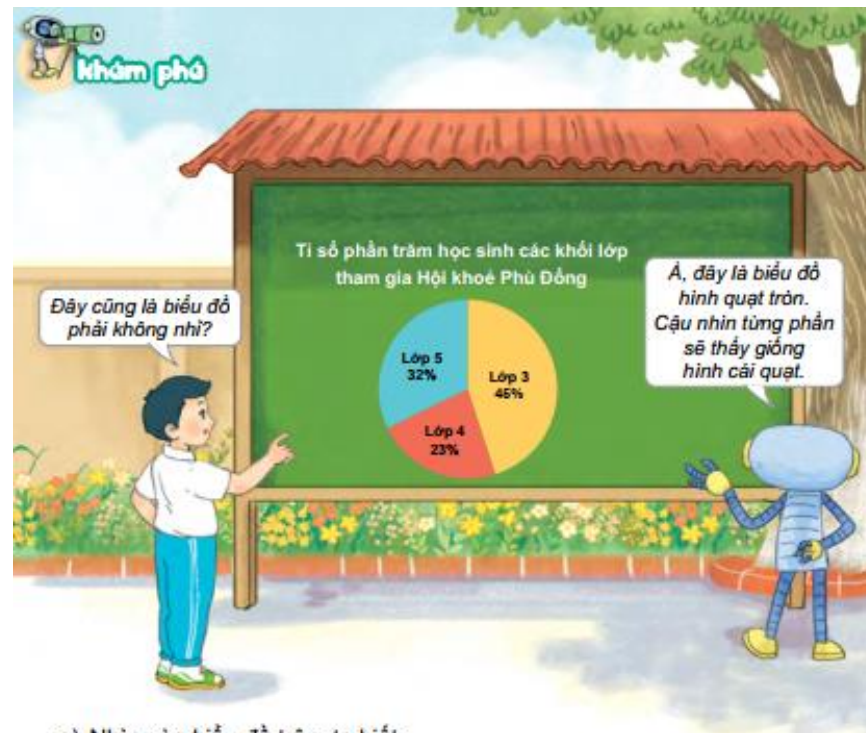
- Dựa vào cân nặng, các quả thanh long được chia thành 3 loại: S, M và L.
- Có 27 quả thanh long cỡ S, 43 quả thanh long cỡ M và 36 quả thanh long cỡ L.

b) Mô hình về biểu diễn số liệu qua biểu đồ hình quạt tròn

Tình huống thực tiễn

Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn (không yêu cầu vẽ biểu đồ)

Nhận xét số liệu từ biểu đồ hình quạt tròn



a) Nhìn vào biểu đồ trên, ta biết:

- Có 45% số học sinh tham gia là học sinh lớp 3;
- Có 23% số học sinh tham gia là học sinh lớp 4;
- Có 32% số học sinh tham gia là học sinh lớp 5.

b) Biết trường có tất cả 100 học sinh tham gia Hội khoẻ Phù Đổng. Hỏi trong số đó có bao nhiêu học sinh lớp 3?

Nhìn vào biểu đồ trên ta thấy có 45% số học sinh tham gia là học sinh lớp 3.

Vậy số học sinh lớp 3 tham gia Hội khoẻ Phù Đổng là 45 học sinh.

### c) Mô hình về yếu tố xác suất

Tình huống, thí nghiệm  
(nhiều lần)

Mô tả các khả năng có thể xảy ra; ghi chép số lần lặp lại của mỗi khả năng của một sự kiện

Nêu được tỉ số của số lần lặp lại một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm



Rô-bốt từng làm trọng tài trong 20 trận đấu bóng đá của lớp. Trước mỗi trận đấu, Rô-bốt đều tung đồng xu một lần để xác định đội giao bóng trước. Và đây là kết quả tung đồng xu của Rô-bốt:

| Khả năng       | Nhận được mặt hình | Nhận được mặt số |
|----------------|--------------------|------------------|
| Số lần lặp lại | 7                  | 13               |

Để mô tả 7 lần xảy ra khả năng "nhận được mặt hình" khi tung đồng xu 20 lần, ta sử dụng tỉ số  $\frac{7}{20}$ .



2. Cần xác định rõ mức độ, yêu cầu cần đạt về nội dung dạy học yếu tố Thống kê và Xác suất ở lớp 5 (so với lớp 2, 3 và 4 đã được bổ sung kiến thức nào), tính liên thông, hệ thống của nội dung dạy học yếu tố thống kê và xác suất từ lớp 2, 3, 4 đến lớp 5 như thế nào.

– Bên cạnh một số yêu cầu tương tự như ở lớp 2, lớp 3 và lớp 4, trong SGK Toán 5, HS còn được làm quen với việc phát hiện vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên quan sát các số liệu từ biểu đồ hình quạt tròn và giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được từ biểu đồ hình quạt tròn.

– Ở lớp 5, HS dự đoán các khả năng xảy ra của một sự kiện (như ở lớp 3), kiểm đếm số lần lặp lại của các khả năng đó bằng thí nghiệm (như ở lớp 4) và sử dụng tỉ số để mô tả số lần lặp lại của khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm.

# YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

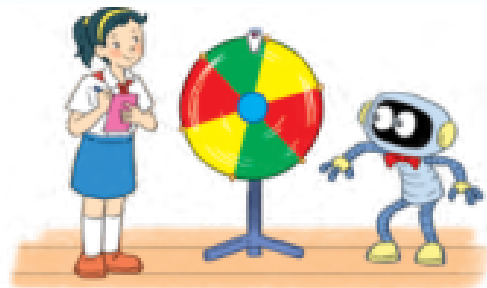
## YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

- 2 Các bạn lớp 5A dùng vòng quay để chọn màu áo đồng phục lớp: màu vàng, màu xanh và màu đỏ. Mỗi bạn quay 1 lần. Mũi tên chỉ vào phần tô màu nào thì chọn áo màu đó.

Bảng dưới đây cho biết kết quả quay của các bạn lớp 5A.

| Khả năng       | Màu vàng | Màu xanh | Màu đỏ |
|----------------|----------|----------|--------|
| Số lần lặp lại | 8        | 17       | 5      |

- a) Các bạn lớp 5A đã quay tất cả bao nhiêu lần?  
b) Viết tỉ số mô tả số lần lặp lại của mỗi màu so với tổng số lần quay.



- 1 Cuối tuần này chúng mình sẽ tổ chức chương trình “Đổi cũ lấy mới” ngay tại phòng học của lớp. Hôm nay, cả lớp cần dọn dẹp và sắp xếp lại các đồ vật trong phòng học.

Áp dụng kiến thức đã học, Rô-bốt đề xuất dùng xúc xắc để chia nhóm phân công nhiệm vụ:

| Mặt trên |                 |         |            |               |  |  |
|----------|-----------------|---------|------------|---------------|--|--|
| Nhiệm vụ | Quét và lau sàn | Lau cửa | Kê bàn ghế | Trang trí lớp |  |  |

Mỗi bạn gieo xúc xắc 1 lần, nhận được xúc xắc với mặt trên có số chấm là bao nhiêu thì tham gia nhóm tương ứng.





3. Nên đưa ra các ví dụ cụ thể, gần gũi với thực tế xung quanh các em, từ đó hình thành, làm quen với các kiến thức cơ bản về thống kê, xác suất được quy định trong Chương trình môn Toán lớp 5 – 2018. Tránh nâng cao hoặc phức tạp hoá vấn đề khiến HS khó tiếp thu (vượt qua mức độ nhận thức hoặc xa rời thực tế của HS).



# Phần ba

## XEM VIDEO TIẾT DẠY MINH HOẠ

TIẾT 1 BÀI:  
TỈ SỐ. TỈ SỐ PHẦN TRĂM



# Bài 36. Tỉ số. Tỉ số phần trăm (tiết 1)

## VIDEO TIẾT DẠY MINH HỌA

### MỤC TIÊU

Đây là tiết dạy minh họa, tham khảo (không phải là tiết dạy mẫu) nhằm giúp GV thấy rõ hơn sự thay đổi về cấu trúc, cách tiếp cận nội dung và PP dạy học theo định hướng phát triển năng lực, thể hiện ở một tiết học trong một bài học cụ thể trong SGK Toán 5 (KN TT).



## CÂU HỎI CHO GV CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI XEM VÀ THẢO LUẬN SAU KHI XEM BĂNG HÌNH TIẾT DẠY HỌC MINH HOA

1. Yêu cầu cần đạt (KT, KN và PT năng lực) của tiết dạy. GV đã thực hiện như thế nào?
2. Xác định vị trí của tiết dạy (ở bài học, chủ đề nào, KT có liên quan mà HS đã học trước hoặc sẽ học sau tiết học này...)
3. Cấu trúc nội dung dạy *Tỉ số*. *Tỉ số phần trăm* ở SGK (KNTT) có khác biệt gì so với SGK hiện hành. Cách tiếp cận dạy học tỉ số, tỉ số phần trăm (phần khám phá), yêu cầu chủ yếu với HS khi học tỉ số, tỉ số phần trăm có gì khác so với chương trình hiện hành? GV đã làm như thế nào?
4. GV đã tổ chức hình thức dạy học, vận dụng PPDH theo hướng dạy học tích cực, hợp tác, PT năng lực HS,... như thế nào?
5. Đánh giá chung qua tiết dạy minh họa, bạn thấy điều gì đạt được, điều gì chưa đạt được? Hướng giải quyết.

**Chủ đề 7 TỈ SỐ VÀ CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN**

**Bài 36 TỈ SỐ. TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**Khám phá**

a) Trong bến xe buýt, tôi thấy có 7 ô tô, trong đó có 3 ô tô điện và 4 ô tô chạy bằng xăng.

Số ô tô ở bến là 7 phần thì số ô tô điện là 3 phần như thế. Số ô tô điện chiếm  $\frac{3}{7}$  số ô tô ở bến.  $\frac{3}{7}$  còn gọi là "tỉ số" đấy!

Số ô tô điện so với số ô tô ở bến chiếm mấy phần nhĩ?

Ta nói:

- Tỉ số của số ô tô điện và số ô tô ở bến là  $3 : 7$  hay  $\frac{3}{7}$  (tỉ số này cho biết số ô tô điện bằng  $\frac{3}{7}$  số ô tô ở bến).

Tương tự, ta nói:

- Tỉ số của số ô tô chạy bằng xăng và số ô tô ở bến là  $4 : 7$  hay  $\frac{4}{7}$ .
- Tỉ số của số ô tô điện và số ô tô chạy bằng xăng là  $3 : 4$  hay  $\frac{3}{4}$ .
- Tỉ số của số ô tô chạy bằng xăng và số ô tô điện là  $4 : 3$  hay  $\frac{4}{3}$ .

Tỉ số của a và b là  $a : b$  hay  $\frac{a}{b}$  (b khác 0).

b) Rô-bốt khảo sát 100 bạn khối 5 tham gia các môn thể thao thì thấy có 43 bạn tham gia môn Bơi, 31 bạn tham gia môn Cờ vua, 26 bạn tham gia môn Cầu lông. Rô-bốt tính tỉ số của số bạn tham gia ở mỗi môn và số bạn được khảo sát rồi ghi kết quả vào bảng sau:

| Môn thể thao                                                | Bơi              | Cờ vua           | Cầu lông         |
|-------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Tỉ số của số bạn tham gia ở mỗi môn và số bạn được khảo sát | $\frac{43}{100}$ | $\frac{31}{100}$ | $\frac{26}{100}$ |

- Các tỉ số  $\frac{43}{100}, \frac{31}{100}, \frac{26}{100}$  được gọi là các tỉ số phần trăm.
- Tỉ số  $\frac{43}{100}$  đọc là: Bốn mươi ba phần trăm, viết là: 43%.

Tỉ số phần trăm của số bạn tham gia môn Bơi và số bạn được khảo sát là 43%. Tỉ số này cho biết: Cứ 100 bạn được khảo sát thì có 43 bạn tham gia môn Bơi.



1 Hoàn thành bảng bên (theo mẫu).

| Số thứ nhất | Số thứ hai | Tỉ số của số thứ nhất và số thứ hai |
|-------------|------------|-------------------------------------|
| 3           | 11         | $\frac{3}{11}$                      |
| 13          | 17         | ?                                   |
| 17          | 13         | ?                                   |
| m           | n (khác 0) | ?                                   |

2 Số ?

Một trường tiểu học có 23 bạn nữ và 17 bạn nam tham gia cuộc thi "Trạng nguyên nhĩ".

- a) Tỉ số của số bạn nữ và số bạn nam là  $\frac{?}{?}$ .
- b) Tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ là  $\frac{?}{?}$ .
- c) Tỉ số của số bạn nữ và tổng số bạn tham gia là  $\frac{?}{?}$ .



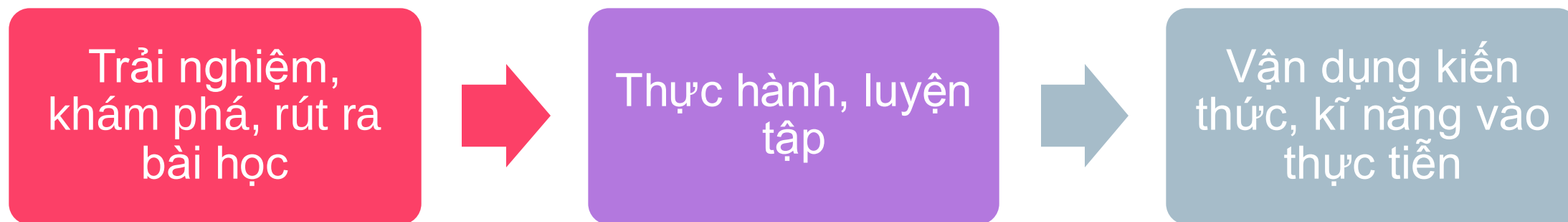


# Phần bốn

## DẠY HỌC TOÁN 5



- Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tổ chức hoạt động theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Theo đó, dạy học môn Toán theo định hướng phát triển năng lực HS là cách thức tổ chức quá trình dạy học thông qua một chuỗi các hoạt động học tập tích cực, độc lập, sáng tạo của HS, với sự hướng dẫn, trợ giúp hợp lí của GV, hướng đến mục tiêu hình thành và phát triển năng lực toán học. Quá trình đó có thể được tổ chức theo sơ đồ:



- Như vậy, chúng ta không chỉ chú ý tới mặt tích cực hoá hoạt động học tập của HS mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống thực tiễn, với hoạt động thực hành, trải nghiệm.



- Về cơ bản, khi triển khai tổ chức dạy học và các hoạt động trong Toán 5, cần tập trung chủ yếu vào các yếu tố sau:
  - GV tổ chức hoạt động nhằm thúc đẩy việc học tập tích cực, chủ động của HS;
  - Việc giảng dạy Toán cần chú trọng tạo một môi trường hỗ trợ học tập (gắn với bối cảnh thực tiễn);
  - Tăng cường trách nhiệm học tập;
  - Tạo điều kiện thuận lợi cho HS có thể chia sẻ, trao đổi, tranh luận,...;
  - Cung cấp đầy đủ cơ hội để HS tìm tòi, khám phá, sáng tạo;
  - GV cần coi giảng dạy như quá trình tìm tòi.
- Trong SGK Toán 5 mới, nhiều hoạt động trải nghiệm và trò chơi được thiết kế. GV cần tìm hiểu kĩ các nội dung này trong SGV để có thể truyền tải hết thông điệp “Kết nối tri thức với cuộc sống”, giúp HS hiểu được tính thiết thực, ý nghĩa của việc học Toán. Từ đó, hình thành thói quen học tập tích cực, chủ động.



# TỔ CHỨC DẠY HỌC: PHẦN KHÁM PHÁ



- Phần Khám phá ở mỗi bài học nhằm giúp HS tìm hiểu, hình thành kiến thức mới.
- Từ kiến thức đã học, trên cơ sở những tình huống thực tế xung quanh các em, HS qua quan sát, trải nghiệm rút ra bài học, tiếp cận kiến thức mới để có thể giải quyết vấn đề đặt ra. (Có sự trợ giúp, gợi mở của GV phù hợp với trình độ nhận thức của HS.)



BẢN ĐỒ MỘT KHU VỰC CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2020



Tỉ số 1 : 10 000 ghi ở phía dưới bản đồ là gì nhỉ?

TỈ LỆ 1 : 10 000



Tỉ số 1 : 10 000 ghi ở phía dưới bản đồ còn gọi là tỉ lệ bản đồ đấy!

Ở góc phía dưới của một bản đồ có ghi 1 : 10 000. Tỉ số đó là tỉ lệ bản đồ.

- Tỉ lệ 1 : 10 000 hay  $\frac{1}{10\,000}$  cho biết hình ảnh một khu vực của Thành phố Hồ Chí Minh được vẽ thu nhỏ lại 10 000 lần. Chẳng hạn: Độ dài 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 10 000 cm hay 100 m.
- Tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1. Chẳng hạn:  $\frac{1}{500}$ ;  $\frac{1}{1000}$ ;  $\frac{1}{10\,000}$ ;  $\frac{1}{10\,000\,000}$ ; ...

## Bài 38

### TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ



Trong đợt quyên góp lịch cũ để làm sách chữ nổi cho người khiếm thị, hai lớp 5A, 5B đóng góp được 60 quyển.

Tớ biết số lịch của lớp 5A bằng  $\frac{7}{8}$  số lịch của lớp 5B.



Như vậy mỗi lớp đóng góp bao nhiêu quyển lịch nhỉ?

Số lịch của lớp 5B chia làm 8 phần bằng nhau thì số lịch của lớp 5A là 7 phần như thế. Biết tổng số lịch của hai lớp là 60 quyển. Từ đó ta sẽ tính được số lịch của mỗi lớp đấy!

#### Bài giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:  
 $7 + 8 = 15$  (phần)

Số quyển lịch của lớp 5A là:  
 $60 : 15 \times 7 = 28$  (quyển)

Số quyển lịch của lớp 5B là:  
 $60 - 28 = 32$  (quyển)

Đáp số: Lớp 5A: 28 quyển lịch;  
Lớp 5B: 32 quyển lịch.

## Bài 19 PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHẦN

**Khám phá**

a) Minh uốn thành hình ngôi sao hết 1,65 m dây đồng.

Minh uốn thành hình tam giác hết 1,26 m dây đồng.

Cả hai bạn dùng hết bao nhiêu mét dây đồng nhỉ?

$1,65 + 1,26 = ? \text{ (m)}$

Để tìm kết quả của phép cộng này, ta có thể chuyển về phép cộng hai số tự nhiên.

Ta có: 1,65 m = 165 cm; 1,26 m = 126 cm.

$$\begin{array}{r} 165 \\ + 126 \\ \hline 291 \text{ (cm)} \\ 291 \text{ cm} = 2,91 \text{ m} \\ \text{Vậy: } 1,65 + 1,26 = 2,91 \text{ (m).} \end{array}$$

Ta đặt tính rồi tính như sau:

- Đặt tính sao cho các chữ số ở cùng hàng thì thẳng cột.
- Thực hiện phép cộng như cộng hai số tự nhiên.
- Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy của hai số hạng.



Khám phá

### Hình tam giác

Tớ gấp thuyền có hai cánh buồm này.

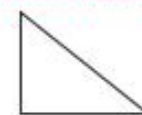
Cánh buồm bên trái có hai cạnh vuông góc với nhau. Cánh buồm bên phải có ba góc nhọn.

Cánh buồm bên trái có dạng hình tam giác vuông, cánh buồm bên phải có dạng hình tam giác nhọn đấy!

#### a) Hình tam giác



Hình tam giác có 3 góc nhọn gọi là hình tam giác nhọn.



Hình tam giác có một góc vuông gọi là hình tam giác vuông.



Hình tam giác có một góc tù gọi là hình tam giác tù.



- Hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau gọi là hình tam giác đều.
- Hình tam giác đều có 3 góc bằng nhau và cùng bằng  $60^\circ$ .



## LƯU Ý

- Tùy điều kiện thực tế và yêu cầu của tiết học cụ thể, có thể thông qua câu chuyện, bài toán (tình huống), bài hát, trò chơi liên quan để đưa ra kiến thức mới, từ đó tổ chức hình thức dạy học phù hợp để hướng dẫn HS chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Tuy nhiên, dù cách tiếp cận nào cũng cần tránh hình thức, áp đặt và kéo dài phần khám phá của tiết học dẫn đến quá thời gian quy định của tiết học.



# TỔ CHỨC DẠY HỌC: PHẦN THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP



- Thực hành, luyện tập giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa học, bổ sung, phát triển và liên kết các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề qua các bài tập vận dụng, các bài toán thực tế, từng bước hình thành và phát triển năng lực học tập nói chung, năng lực toán học nói riêng.
- Cách tiếp cận:
  - Thực hành, luyện tập thường được tổ chức dưới dạng cho HS hoạt động cá nhân hoặc theo nhóm. Khi dạy học cần linh hoạt trong tổ chức thực hành, luyện tập phù hợp đối tượng HS và điều kiện thực tế của trường, lớp, địa phương.
  - Thông qua các bài tập đa dạng, hấp dẫn theo hướng giải quyết tình huống liên quan đến đời sống xung quanh, gần gũi với các em. Đó là đồ chơi, tranh ảnh mà các em yêu thích; là trò chơi dân gian; sinh hoạt ngoài trời và các câu chuyện vui gắn với môi trường, lịch sử, địa lí phù hợp với lứa tuổi HS ở các vùng miền.

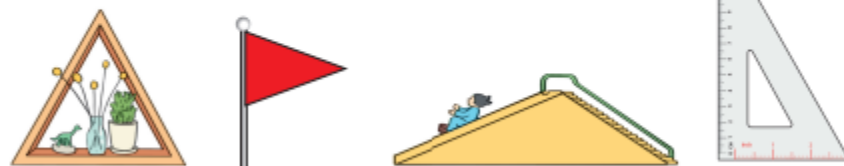


## DẠNG BÀI CÓ TÊN LÀ “**HOẠT ĐỘNG**”

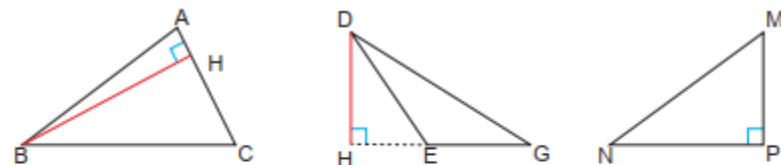
- Dạng bài này thường cùng với phần Khám phá được dạy học trong một tiết học. Mục tiêu chủ yếu của phần Hoạt động là vận dụng, thực hành trực tiếp các kiến thức vừa học ở phần Khám phá (mức độ cơ bản, tường minh).
- Có thể coi các bài tập ở phần Hoạt động như là phần vận dụng của Khám phá (thực hiện ngay sau hình thành kiến thức mới).



**1** Mỗi đồ vật dưới đây có dạng hình tam giác gì?



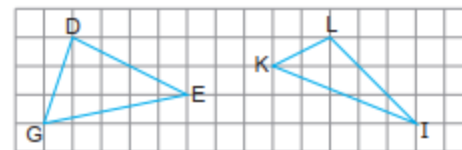
**2** Hãy chỉ ra đáy và đường cao tương ứng được vẽ trong mỗi hình tam giác dưới đây.



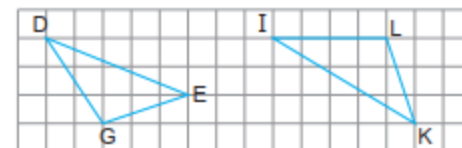
**3** Trong bức tranh bên, em hãy tìm các hình tam giác và cho biết mỗi hình tam giác đó có dạng hình tam giác gì.



**1** a) Vẽ hình tam giác DEG, IKL trên giấy kẻ ô vuông như hình bên rồi vẽ đường cao ứng với đáy GE, KI của các hình tam giác đó.

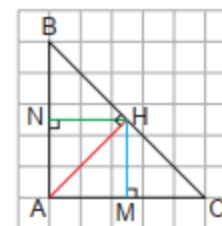


b) Vẽ hình tam giác DEG, IKL trên giấy kẻ ô vuông như hình bên rồi vẽ đường cao ứng với đáy GE, IL của các hình tam giác đó.



**2** Vẽ hình (theo mẫu), biết rằng:

- AH là đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác ABC;
- HN là đường cao ứng với đáy AB của hình tam giác HAB;
- HM là đường cao ứng với đáy AC của hình tam giác HAC.





### hoạt động

- 1 Đọc số đo thể tích của mỗi bể bơi dưới đây.



1,25 m<sup>3</sup>

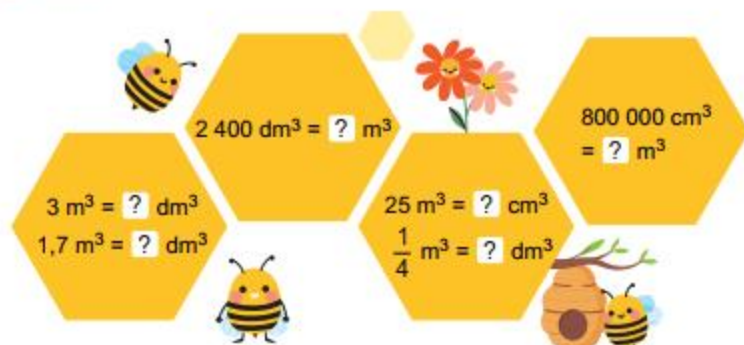


300 m<sup>3</sup>



1 875 m<sup>3</sup>

- 2 Số ?



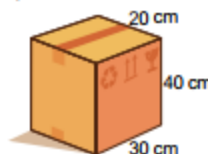
- 3 Một thùng xe tải có thể tích là 33,2 m<sup>3</sup>, lượng hàng hoá trên thùng xe chiếm 80% thể tích của thùng xe. Tính thể tích phần còn trống trong thùng xe.



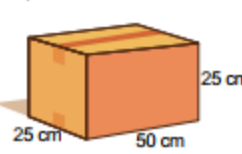
### hoạt động

- 1 Tính diện tích toàn phần của mỗi hình hộp chữ nhật dưới đây.

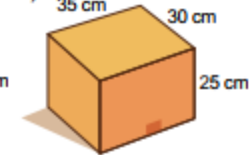
a)



b)

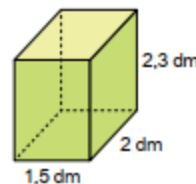


c)

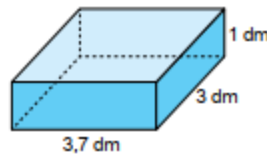


- 2 Chọn câu trả lời đúng.

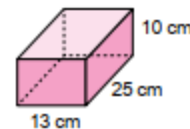
Chiếc hộp nào dưới đây có diện tích toàn phần lớn nhất?



A



B



C



## DẠNG BÀI CÓ TÊN LÀ “**LUYỆN TẬP**”

- Luyện tập là dạng bài ở sau phần Khám phá và phần Hoạt động trong mỗi bài học.
- Ngoài yêu cầu củng cố trực tiếp kiến thức của Khám phá, dạng bài này còn có bài tập vận dụng bổ sung, hoàn thiện kiến thức. Có thể có bài tập phát triển năng lực tư duy phù hợp lứa tuổi HS lớp 5.
- Phần Luyện tập trong cùng bài học ở sau phần Khám phá và phần Hoạt động thường được dạy riêng thành một tiết (bài học có từ 2 tiết trở lên).



**1** Đặt tính rồi tính.

$$25,9 - 13,84$$

$$7,6 - 1,51$$

$$21,4 - 6$$

$$9 - 3,5$$

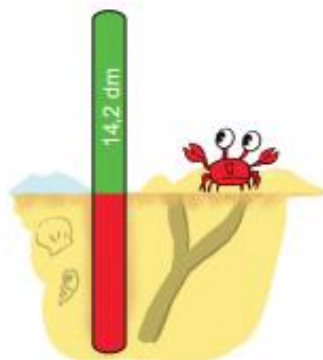
**2** Số ?

a)  $8,9 + \boxed{?} = 28,501$

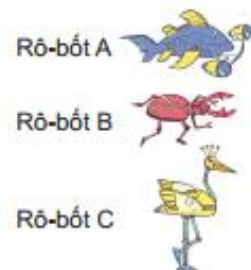
b)  $\boxed{?} + 8,16 = 17,5$

c)  $\boxed{?} - 6,17 = 11,83$

**3** Một chiếc cọc được sơn hai màu xanh và đỏ (như hình vẽ). Biết đoạn màu xanh dài hơn đoạn màu đỏ là 1,8 dm. Tìm độ dài chiếc cọc đó.



**4** Số ?



a) Rô-bốt A cân nặng  $\boxed{?}$  kg.

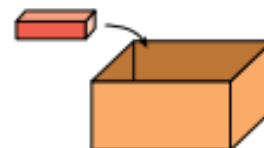
b) Rô-bốt B cân nặng  $\boxed{?}$  kg.

c) Rô-bốt C cân nặng  $\boxed{?}$  kg.



**1** Chọn câu trả lời đúng.

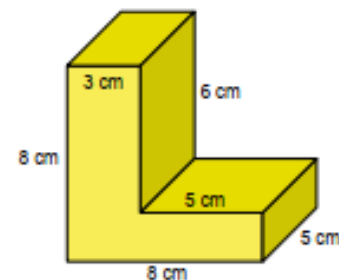
Nam muốn xếp các khối gỗ dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 4 cm, chiều rộng 1 cm và chiều cao 1 cm vào một chiếc hộp. Chiếc hộp đó có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 8 cm, chiều rộng 4 cm và chiều cao 4 cm.



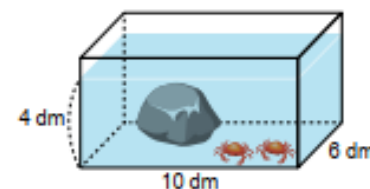
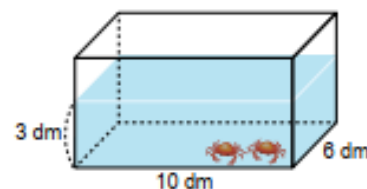
Hỏi Nam có thể xếp được nhiều nhất bao nhiêu khối gỗ như vậy vào hộp?

- A. 8 khối      B. 16 khối      C. 32 khối      D. 64 khối

**2** Tính thể tích của khối gỗ có hình dạng và kích thước như hình dưới đây.



**3** Quan sát hình vẽ và tính thể tích của tảng đá nằm trong bể nước.





## DẠNG BÀI CÓ TÊN LÀ “**LUYỆN TẬP CHUNG**”

- Luyện tập chung là bài riêng ở sau một số bài học hoặc sau một chủ đề.
- Luyện tập chung nhằm củng cố kiến thức đã học qua một số bài học hoặc qua một chủ đề. Ngoài mục tiêu như ở tiết luyện tập nêu trên, HS được củng cố, ôn tập, hệ thống kiến thức và được tiếp cận với hệ thống các bài tập đa dạng, gắn với nội dung nội môn và liên môn, với thực tế. HS có điều kiện phát triển năng lực lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học,...



Bài 24

LUYỆN TẬP CHUNG



luyện tập

1

Tính.

$4,98 + 15,7$

$52 - 4,91$

$0,73 \times 6,5$

$104,89 : 8,5$

2

Tính nhẩm.

$3,14 \times 0,1$

$3,14 \times 100$

$31,4 : 10$

$314 : 0,001$

3

>, <, = ?

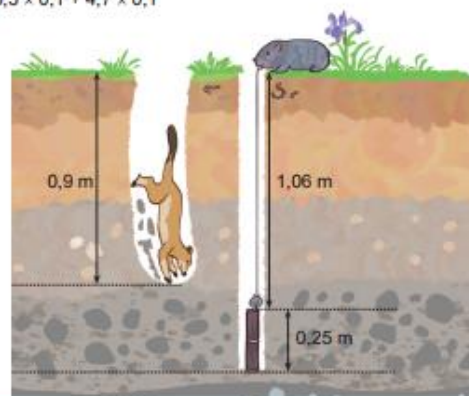
a)  $2,5 \times 6,1$  ?  $6,1 \times 2,5$

b)  $(15 \times 6) \times 0,25$  ?  $15 \times (6 \times 0,25)$

c)  $(5,3 + 4,7) \times 0,1$  ?  $5,3 \times 0,1 + 4,7 \times 0,1$

4

Dúi làm rơi khúc mía xuống một cái lỗ. Chỗ đào một cái hố bên cạnh để lấy khúc mía cho dúi. Hỏi chỗ còn phải đào sâu thêm bao nhiêu mét nữa để cái hố sâu đúng bằng cái lỗ?



luyện tập

1

Tính giá trị của biểu thức.

a)  $(131,4 - 80,8) : 2,3 + 21,64 \times 2$

b)  $8,16 : (1,32 + 3,48) - 0,34 : 2$

2

Tính bằng cách thuận tiện.

a)  $2,5 \times 3,7 \times 4$

b)  $0,56 \times 4,7 + 5,3 \times 0,56$

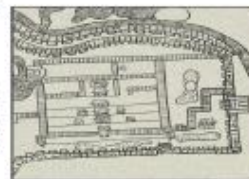
3

Số ?

Một tấm bản đồ hình chữ nhật có chiều dài 2,97 dm và chiều rộng 2,1 dm.

a) Diện tích tấm bản đồ là ?  $\text{dm}^2$ .

b) Bạn Việt gấp tấm bản đồ lại như hình dưới đây. Sau khi gấp tấm bản đồ được một hình chữ nhật nhỏ hơn. Diện tích hình chữ nhật nhỏ là ?  $\text{dm}^2$ .



4

Trong hai năm, trang trại của bác Tám bán được tất cả 21,56 tấn cá chép. Biết số tấn cá chép bán trong năm thứ hai nhiều hơn năm thứ nhất là 2,7 tấn. Tính số tấn cá chép mà trang trại của bác Tám bán được trong mỗi năm.



luyện tập

1

Số ?

a)  $51,23 + ? = 74,9$

b)  $? : 3,8 = 21,34$

2

Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

|           | Đo lần 1 | Đo lần 2 | Đo lần 3 | Lượng mưa trung bình |
|-----------|----------|----------|----------|----------------------|
| Tháng Một | 15,4 mm  | 22,1 mm  | 12 mm    | 16,5 mm              |
| Tháng Hai | 15,6 mm  | 18,9 mm  | 12,3 mm  | ?                    |
| Tháng Ba  | 23,5 mm  | 32,7 mm  | 21,8 mm  | ?                    |

3

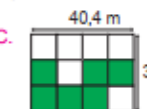
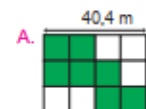
Khu vườn trồng cây ăn quả dạng hình chữ nhật có diện tích 83,52  $\text{m}^2$  và chiều rộng 8,7 m. Hỏi chu vi khu vườn đó là bao nhiêu mét?

4

Ông Sơn Hà sử dụng một nửa diện tích mảnh đất dạng hình chữ nhật để xây một nhà máy sản xuất rô-bốt.

a) Chọn câu trả lời đúng.

Biết phần đất để xây nhà máy được tô màu xanh trong hình vẽ. Hỏi phần đất đỏ ở hình nào trong các hình dưới đây?



b) Đ, S ?

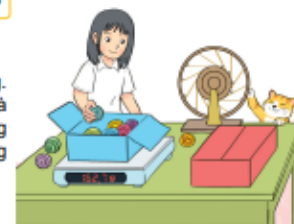
Diện tích của nhà máy lớn hơn  $\frac{1}{100}$  ha. ?

5

Chọn câu trả lời đúng.

Bạn Tú có 25 quả bóng, mỗi quả nặng 5,7 g. Tú bỏ tất cả số bóng đó vào chiếc hộp xanh và chiếc hộp đỏ. Khi đó, Tú nhận thấy cân nặng của hộp xanh tăng thêm 62,7 g. Hỏi cân nặng của hộp màu đỏ tăng thêm bao nhiêu gam?

A. 142,5 g B. 74,1 g C. 79,8 g





## DẠNG BÀI CÓ TÊN LÀ “**THỰC HÀNH, TRẢI NGHIỆM**”

- Thực hành, trải nghiệm là bài riêng, ở các chủ đề về Hình học, về Đo lường, về Thống kê.
- Yêu cầu của dạng bài này là củng cố, hoàn thiện kiến thức đã học thuộc chủ đề.
- Đặc biệt, HS được tự thực hiện các thao tác, được trực tiếp sử dụng các công cụ để vẽ, xếp, gấp hình; cân, đo, đong, đếm; xem đồng hồ, xem lịch hoặc thống kê số liệu thực tế. Tất cả các em được thực hành, trải nghiệm qua các hoạt động ở trong lớp và ngoài lớp trong các tiết học đó.
- Lưu ý: Khi dạy bài “Thực hành, trải nghiệm” GV cần tổ chức thành các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS. Không nên cho HS giải các bài tập đơn thuần.

**Bài 17**

**THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI  
MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**



**hoạt động**

Nhà trường lên kế hoạch lát lại toàn bộ sàn các phòng học. Khối lớp Năm được giao nhiệm vụ đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của các lớp, từ đó dự tính chi phí cho việc lát sàn.



- 1 a) Thực hành đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của lớp em.  
b) Tính số tiền mua gạch để lát mặt sàn phòng học lớp em. Mẫu gạch được chọn có dạng hình vuông cạnh 50 cm được đóng theo hộp 4 viên, mỗi hộp có giá 140 000 đồng.
- 2 Giả sử các phòng học khác trong trường có diện tích mặt sàn bằng diện tích mặt sàn phòng học của lớp em. Tính số tiền để mua gạch lát lại mặt sàn của tất cả các phòng học trong trường em.



**hoạt động**

- 1 Các bạn lớp 5A lên kế hoạch làm giá sách của lớp. Các bạn dự định đặt mua các tấm gỗ với kích thước và số lượng như trong bảng dưới đây.

| Tấm gỗ | Số lượng |
|--------|----------|
|        | 4        |
|        | 10       |



Loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m<sup>2</sup>. Tính số tiền mua gỗ để làm giá sách đó.

- 2 Hãy thiết kế giá sách của lớp em. Tính số tiền mua gỗ làm chiếc giá sách đó nếu loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m<sup>2</sup>.



## Bài 28

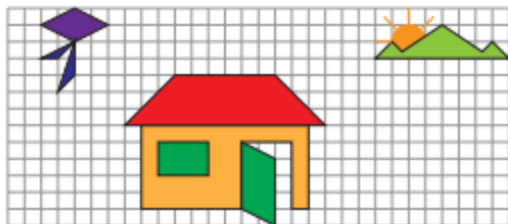
### THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM ĐO, VẼ, LẮP GHÉP, TẠO HÌNH



Trong tiết học này, chúng ta hãy cùng nhau tạo hình ngôi nhà.

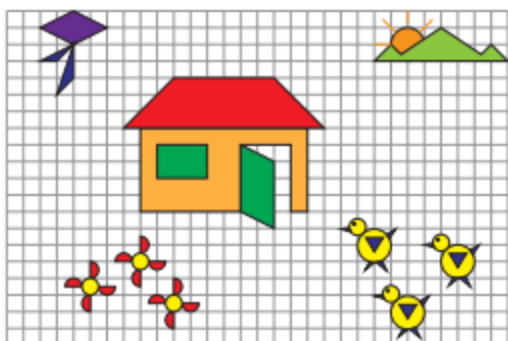
#### 1 Lâm nhà.

Cắt rồi dán để tạo hình ngôi nhà (theo mẫu).



#### 2 Trồng hoa, nuôi gà.

Cắt rồi dán để tạo hình các con gà và các bông hoa (theo mẫu).



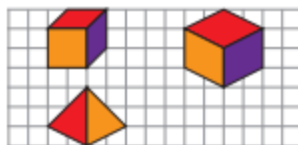
Hãy cùng chia sẻ ngôi nhà của em nhé!

113



Trong tiết học này, chúng ta tiếp tục cùng nhau tạo ra hình yêu thích.

#### 1 Cắt rồi dán để tạo thành các hình (theo mẫu).



#### 2 Trò chơi xếp hình.



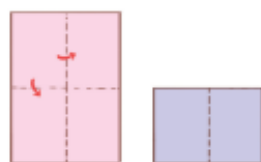
Từ 7 miếng ghép của bộ trò chơi xếp hình, em hãy xếp thành các hình dưới đây.



114

#### 3 Em hãy gấp thuyền buồm theo hướng dẫn dưới đây.

Bước 1: Chuẩn bị một tờ giấy hình chữ nhật. Gấp tờ giấy làm đôi.



Bước 2: Gấp tạo thành hình tam giác.



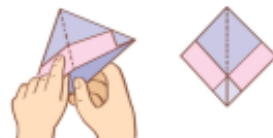
Bước 3: Gấp mép giấy lên trên.



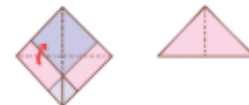
Bước 4: Gấp góc tờ giấy vào trong.



Bước 5: Tạo thành hình vuông.



Bước 6: Gấp thành hình tam giác.



Bước 7: Tạo thành hình vuông.



Bước 8: Tạo thành hình thuyền buồm.



115

**Bài 66**

**THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**  
**THU THẬP, PHÂN TÍCH, BIỂU DIỄN CÁC**  
**SỐ LIỆU THỐNG KÊ**



- 1** Cuối tuần này chúng mình sẽ tổ chức chương trình “Đổi cũ lấy mới” ngay tại phòng học của lớp. Hôm nay, cả lớp cần dọn dẹp và sắp xếp lại các đồ vật trong phòng học.
- Áp dụng kiến thức đã học, Rô-bốt đề xuất dùng xúc xắc để chia nhóm phân công nhiệm vụ:

| Mặt trên |                 |         |            |               |  |  |
|----------|-----------------|---------|------------|---------------|--|--|
| Nhiệm vụ | Quét và lau sàn | Lau cửa | Kê bàn ghế | Trang trí lớp |  |  |

Mỗi bạn gieo xúc xắc 1 lần, nhận được xúc xắc với mặt trên có số chấm là bao nhiêu thì tham gia nhóm tương ứng.



Hãy thực hiện việc chia nhóm theo đề xuất và hoàn thành bảng dưới đây.

| Nhóm   | Quét và lau sàn | Lau cửa | Kê bàn ghế | Trang trí lớp |
|--------|-----------------|---------|------------|---------------|
| Số bạn | ?               | ?       | ?          | ?             |

Dựa vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi.

- a) Mỗi nhóm có bao nhiêu bạn? Nhóm nào có nhiều bạn nhất?
- b) Viết tỉ số mô tả số lần lặp lại của khả năng “xuất hiện mặt 1 chấm” so với tổng số lần gieo xúc xắc.

**2** Dự án “Đổi đồ cũ lấy cây xanh”.

Theo kế hoạch, lớp sẽ tiếp nhận quần áo mùa hè để tặng cho các bạn cùng độ tuổi và những quyển lịch cũ để tái sử dụng làm sách chữ nổi cho người khiếm thị.

Dự án sẽ đổi quần áo và lịch để lấy các chậu cây giống như sau:

| Đồ vật | 2 chiếc áo    | 1 chiếc quần dài | 2 quyển lịch |
|--------|---------------|------------------|--------------|
| Cây    | 1 cây cà chua | 1 cây chà là     | 1 cây bơ     |

Trước hết, hãy phân loại những đồ vật do các thành viên trong lớp mình tự nguyện góp và tính số cây mà các bạn đổi được nhé. Đừng quên ghi lại kết quả vào bảng dưới đây.

| Đồ vật                            | Áo | Quần dài | Lịch |
|-----------------------------------|----|----------|------|
| Số lượng đồ vật<br>quyên góp được | ?  | ?        | ?    |



Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết chúng mình quyền góp được bao nhiêu đồ vật mỗi loại và tính toán số cây cà chua, chà là, bơ để đổi cho các bạn trong lớp nhé!

Chúng mình đừng quên bọc gói các đồ vật đó và nhờ thầy cô, bố mẹ chuyển giúp đến những người cần nhé!



- 1** Tại năm học cuối cùng của cấp Tiểu học, chúng mình hãy cùng nhau nhìn lại quãng thời gian đã qua và thực hiện cuộc khảo sát: Điều gì khiến em nhớ nhất ở trường tiểu học? Hãy thu thập và biểu diễn các số liệu vào bảng dưới đây.

| Yếu tố      | Khuôn viên trường học | Bạn bè | Thầy cô | Thư viện của trường | Khác |
|-------------|-----------------------|--------|---------|---------------------|------|
| Số bạn chọn | ?                     | ?      | ?       | ?                   | ?    |



Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết điều gì khiến nhiều bạn cảm thấy nhớ nhất ở trường tiểu học.



## DẠNG BÀI CÓ TÊN LÀ “ÔN TẬP CHUNG”

- Ôn tập chung là bài riêng trong các chủ đề Ôn tập cuối học kì I hoặc Ôn tập cuối năm.
- Chủ đề Ôn tập cuối học kì I và Ôn tập cuối năm được chia thành các bài học, mỗi bài học ôn tập cho một nội dung kiến thức của một chủ đề trong cuốn sách. Mỗi bài ôn tập gồm nhiều tiết học, mỗi tiết học là một tiết luyện tập gồm hệ thống các bài tập cơ bản, đặc trưng, cốt lõi, mang tính chất ôn tập, củng cố và phát triển năng lực, mức độ phù hợp với các kiến thức đã học.
- Bài Ôn tập chung ở cuối học kì I và cuối năm học gồm các tiết luyện tập, hệ thống các bài tập có mức độ chuẩn theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với môn Toán lớp 5. Các dạng bài tập này giúp GV có thể tham khảo thiết kế bài kiểm tra, đánh giá định kì cuối học kì I hoặc cuối năm học, đáp ứng đúng các mức độ đánh giá như quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



## Bài 35

### ÔN TẬP CHUNG



luyện tập

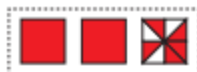
- 1 a) Viết rồi đọc hỗn số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây (theo mẫu).

Mẫu:



Viết:  $1\frac{1}{4}$

Đọc: Một và một phần tư



- b) Chuyển các hỗn số sau thành phân số (theo mẫu).

Mẫu:  $3\frac{2}{5} = \frac{3 \times 5 + 2}{5} = \frac{17}{5}$

$5\frac{2}{5}$ ;  $4\frac{7}{10}$ ;  $6\frac{13}{100}$

- c) Chuyển các phân số sau thành số thập phân (theo mẫu).

Mẫu:  $\frac{31}{25} = \frac{124}{100} = 1,24$

$\frac{96}{50}$ ;  $\frac{327}{300}$ ;  $\frac{204}{125}$

- 2 Tính.

$\frac{5}{7} + \frac{3}{4}$

$\frac{4}{9} + \frac{2}{7}$

$\frac{4}{5} - \frac{2}{3}$

$\frac{5}{9} - \frac{3}{8}$

- 3 Tính bằng cách thuận tiện.

a)  $\frac{5}{7} + \frac{8}{11} + \frac{2}{7}$

b)  $\frac{2}{7} \times \frac{4}{9} + \frac{2}{7} \times \frac{5}{9}$

- 4 Trong một đợt thu gom giấy vụn, lớp 5A đã thu gom được 45 kg giấy vụn, lớp 5B đã thu gom được số giấy vụn bằng  $\frac{2}{3}$  số giấy vụn của lớp 5A, lớp 5C thu gom được ít hơn lớp 5B là 15 kg. Biết 1 kg giấy vụn làm được 15 cuốn vở tái chế. Hỏi số giấy vụn của cả ba lớp làm được bao nhiêu cuốn vở tái chế?



luyện tập

- 1 a) Số ?

| Số gồm                                                                    | Viết là |
|---------------------------------------------------------------------------|---------|
| Một trăm hai mươi ba đơn vị, bốn phần mười, năm phần trăm, bảy phần nghìn | ?       |
| Sáu mươi bảy đơn vị, năm mươi hai phần trăm                               | ?       |
| Tám trăm linh ba đơn vị, bốn trăm năm mươi lăm phần nghìn                 | ?       |
| Mười chín đơn vị, năm phần trăm                                           | ?       |

- b) Nêu cách đọc các số thập phân sau:

35,471

24,607

0,026

5,004

- 2 a) >; <; = ?

• 5,099 ? 5,1

• 6,321 ? 6,3209

• 102,30 ? 102,3000

- b) Sắp xếp các số 5,1; 6,321; 5,099; 6,3209 theo thứ tự từ bé đến lớn.



- 3 Đặt tính rồi tính.

34,28 + 19,45

68,72 - 39,24

17,32 × 14

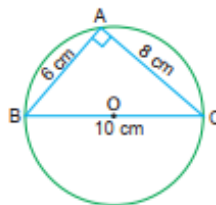
75,52 : 16



**4** Số ?

Cho hình tam giác vuông ABC và hình tròn tâm O với kích thước như hình vẽ bên.

- a) Diện tích hình tam giác vuông ABC là ?  $\text{cm}^2$ .  
b) Diện tích hình tròn tâm O là ?  $\text{cm}^2$ .  
c) Chu vi hình tròn tâm O là ?  $\text{cm}$ .



**5**

Có 6 kg đường chia đều vào 12 túi. Hỏi:

- a) 8 túi đường như vậy có bao nhiêu ki-lô-gam đường?  
b) Nếu 1 kg đường loại đó giá 17 000 đồng thì mua 10 túi đường như vậy hết bao nhiêu tiền?



**Luyện tập**

**1**

Chọn câu trả lời đúng.

- a) Số gồm: Ba mươi lăm đơn vị, hai phần mười, không phần trăm, sáu phần nghìn viết là:

A. 35,26      B. 35,026      C. 35,206      D. 35,260

- b) Chữ số 8 trong số thập phân nào dưới đây ở hàng phần trăm?

A. 38,025      B. 30,812      C. 32,081      D. 12,308

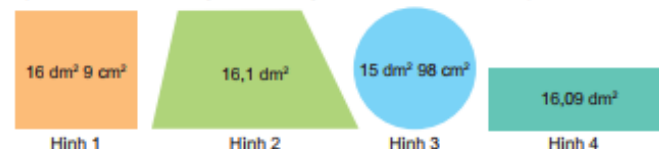
**2**

Chọn câu trả lời đúng.

- a) Số thích hợp với dấu "?" của  $1\ 052\ \text{ha} = ?\ \text{km}^2$  là:

A. 0,1052      B. 1,052      C. 10,52      D. 105,2

- b) Diện tích các miếng bìa được ghi như hình vẽ dưới đây.



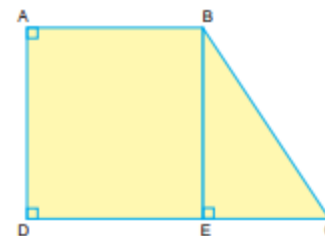
Hình có diện tích lớn nhất là:

A. Hình 1      B. Hình 2      C. Hình 3      D. Hình 4

**3**

Cho hình thang vuông ABCD có đáy lớn hơn đáy bé 40 cm, có chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy và bằng 80 cm. Đoạn thẳng BE vuông góc với CD chia hình thang thành hình chữ nhật ABED và hình tam giác BCE. Tính:

- a) Diện tích hình tam giác BCE.  
b) Chu vi hình chữ nhật ABED.



**4**

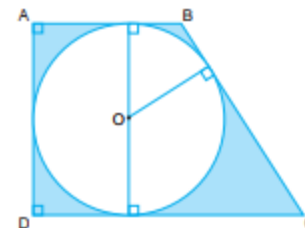
Tính giá trị của biểu thức.

a)  $(64,2 - 36,6) : 1,2 + 13,15$

b)  $12,5 \times 3,6 + 12,5 \times 2,4$

**5**

Rô-bốt đã vẽ hình thang ABCD và hình tròn tâm O (như hình vẽ).



Biết  $AB = 16\ \text{cm}$ ,  $CD = 28\ \text{cm}$ ,  $AD = \frac{5}{7} CD$ . Tính:

- a) Chu vi hình tròn.  
b) Diện tích phần đã tô màu.

Bài 75

ÔN TẬP CHUNG



luyện tập

1 a) Hoàn thành bảng sau.

| Hàng triệu | Hàng trăm nghìn | Hàng chục nghìn | Hàng nghìn | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị | Viết số | Đọc số |
|------------|-----------------|-----------------|------------|-----------|-----------|-------------|---------|--------|
| 3          | 4               | 6               | 1          | 2         | 8         | 5           | ?       | ?      |
| 1          | 3               | 0               | 6          | 5         | 2         | 4           | ?       | ?      |
|            | 7               | 2               | 0          | 4         | 5         | 1           | ?       | ?      |

b) Nêu giá trị của chữ số 2 trong mỗi số viết ở câu a.

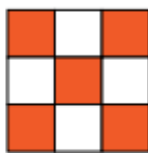
2 Sắp xếp các số 67 245, 67 425, 67 524, 65 742 theo thứ tự từ bé đến lớn.

3 Chọn câu trả lời đúng.

a) Đã tô màu  $\frac{5}{8}$  hình nào dưới đây?



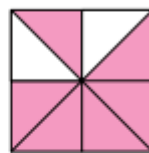
A



B



C



D

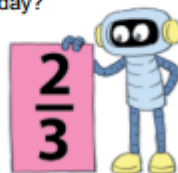
b)  $\frac{2}{3}$  là phân số rút gọn của phân số nào dưới đây?

A.  $\frac{4}{8}$

B.  $\frac{6}{18}$

C.  $\frac{16}{24}$

D.  $\frac{8}{9}$



4 a) Số ?

| Số gồm                                                        | Viết số |
|---------------------------------------------------------------|---------|
| Sáu mươi đơn vị, năm phần mười, bảy phần trăm, hai phần nghìn | ?       |
| Bốn trăm linh năm đơn vị và sáu mươi một phần trăm            | ?       |
| Không đơn vị, bảy mươi tư phần nghìn                          | ?       |

b) Tìm số thập phân thích hợp rồi đọc số thập phân đó.

5 m 8 dm = ? m

425 g = ? kg

74 cm = ? m

85 ml = ? l

5 a) Sắp xếp các số 70,571; 70,517; 71,057; 70,715 theo thứ tự từ lớn đến bé.

b) Chọn câu trả lời đúng.



Ba rô-bốt vàng, đỏ, xanh có chiều cao là một trong các số đo: 98 cm; 0,89 m; 1,02 m. Biết rô-bốt vàng cao hơn rô-bốt đỏ nhưng thấp hơn rô-bốt xanh.

• Chiều cao của rô-bốt đỏ là:

A. 98 cm

B. 0,89 m

C. 1,02 m

• Chiều cao của rô-bốt xanh là:

A. 98 cm

B. 0,89 m

C. 1,02 m



1 Đặt tính rồi tính.

- a)  $2\,564 + 3\,819$       b)  $62\,835 - 24\,173$   
c)  $342 \times 14$       d)  $2\,625 : 15$

2 Đặt tính rồi tính.

- a)  $148,32 + 270,84$       b)  $197,25 - 92,73$   
c)  $34,6 \times 5,7$       d)  $28,8 : 4,5$

3 Tính giá trị của biểu thức.

- a)  $2\,354 + 1\,736 : 4$       b)  $21,4 \times (37,8 - 32,5)$       c)  $\frac{5}{6} - \frac{2}{3} + \frac{2}{5}$

4 Tính bằng cách thuận tiện.

- a)  $137 \times 25 + 137 \times 75$       b)  $\left(\frac{4}{9} + \frac{3}{5}\right) + \frac{5}{9}$       c)  $124,46 + 98,31 + 75,54$

5 Tính.

- a) 14 giờ 36 phút + 5 giờ 15 phút      b) 10 giờ 15 phút - 6 giờ 30 phút  
c) 4,5 giờ  $\times$  3      d) 38,5 phút : 5



1 Chọn câu trả lời đúng.

- a) Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của  $75\text{ m} = \dots\text{ km}$  là:  
A. 7,5    B. 0,75    C. 0,075    D. 0,0075  
b) Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của  $2\text{ kg } 45\text{ g} = \dots\text{ kg}$  là:  
A. 245    B. 2,45    C. 2,045    D. 0,245  
c) Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của  $652\text{ ml} = \dots\text{ l}$  là:  
A. 6,52    B. 0,652    C. 0,0652    D. 652

2 Chọn câu trả lời đúng.

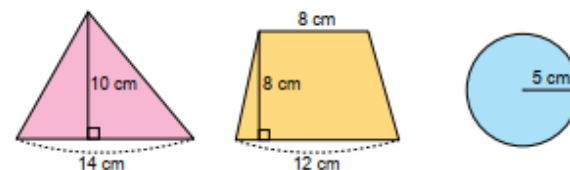
a) Trong 20 hộp sữa chua có 12 hộp là loại sữa chua không đường, còn lại là loại sữa chua có đường. Tỉ số phần trăm của số hộp sữa chua có đường và tổng số hộp sữa chua là:

- A. 8%    B. 20%    C. 4%    D. 40%

b) Lãi suất tiết kiệm là 0,5%/tháng. Bác Tư gửi tiết kiệm 10 000 000 đồng thì sau 1 tháng nhận được cả tiền gửi và tiền lãi là:

- A. 150 000 đồng      B. 1 050 000 đồng  
C. 10 050 000 đồng      D. 1 500 000 đồng

3 Nam cắt giấy màu được 3 hình có kích thước như hình dưới đây.



a) Chọn câu trả lời đúng.

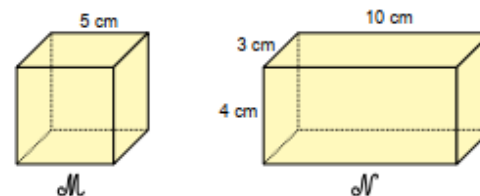
Trong các hình trên, hình có diện tích lớn nhất là:

- A. Hình tam giác    B. Hình thang    C. Hình tròn

b) Số ?

Chu vi hình tròn là ? cm.

4 Cho khối gỗ hình lập phương M và khối gỗ hình hộp chữ nhật N có kích thước như hình dưới đây.



a) Số ?

- Diện tích xung quanh hình lập phương  $M$  là ?  $\text{cm}^2$ .
- Diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật  $N$  là ?  $\text{cm}^2$ .
- Diện tích toàn phần hình lập phương  $M$  là ?  $\text{cm}^2$ .
- Diện tích toàn phần hình hộp chữ nhật  $N$  là ?  $\text{cm}^2$ .

b) Thể tích hình nào lớn hơn và lớn hơn bao nhiêu xăng-ti-mét khối?

5 Tìm số tự nhiên hoặc số thập phân thích hợp.



$s = 24 \text{ km}$   
 $v = 96 \text{ km/h}$   
 $t = ? \text{ giờ}$



$v = 120 \text{ km/h}$   
 $t = 24 \text{ phút}$   
 $s = ? \text{ km}$



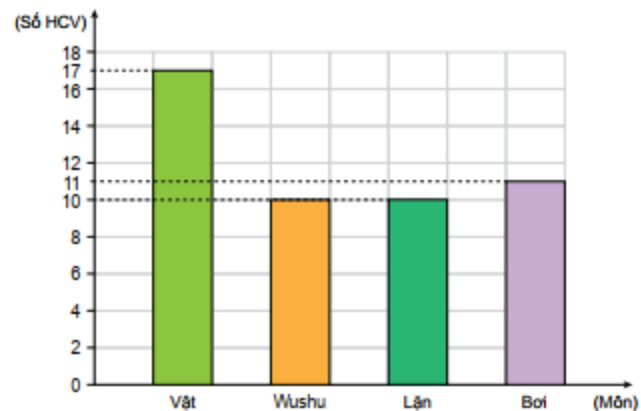
$s = 5,250 \text{ km}$   
 $t = 300 \text{ giây}$   
 $v = ? \text{ m/s}$



1 Thống kê số huy chương vàng (HCV), huy chương bạc (HCB), huy chương đồng (HCD) bốn môn Vật, Bơi, Lặn, Wushu của Đoàn Việt Nam tại Sea Games 31, ta có bảng sau (theo <https://tuoitre.vn> năm 2022):

| Môn   | HCV | HCB | HCD |
|-------|-----|-----|-----|
| Vật   | 17  | 1   | 0   |
| Bơi   | 11  | 11  | 3   |
| Lặn   | 10  | 5   | 3   |
| Wushu | 10  | 3   | 7   |

a) Biểu đồ dưới đây cho biết số HCV bốn môn Vật, Wushu, Lặn, Bơi của Đoàn Việt Nam tại Sea Games 31.

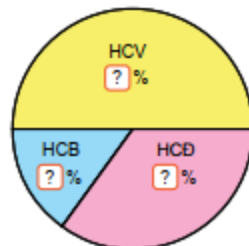


Quan sát biểu đồ rồi trả lời các câu hỏi.

- Môn nào có nhiều HCV nhất?
- Hai môn nào có số HCV bằng nhau?
- Trung bình mỗi môn có bao nhiêu HCV?

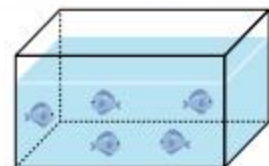
b) Rô-bốt đã vẽ biểu đồ hình quạt tròn bên cho biết tỉ số phần trăm số HCV, HCB, HCD so với tổng số huy chương đạt được của môn Wushu nhưng chưa ghi tỉ số phần trăm của mỗi môn vào biểu đồ.

- Dựa vào bảng thống kê, tìm tỉ số phần trăm của số HCV, HCB, HCD và tổng số huy chương ở môn Wushu, rồi hoàn thành biểu đồ hình quạt tròn đó.
- So sánh tỉ số phần trăm của số HCV với tổng số phần trăm của số HCB và HCD ở môn Wushu.



2 Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật có chu vi đáy là 320 cm, chiều rộng của đáy bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài của đáy, chiều cao bể cá là 50 cm.

- Tính chiều dài và chiều rộng đáy bể cá.
- Biết mực nước ở bể cá là 40 cm. Hỏi lượng nước hiện có trong bể chiếm bao nhiêu phần trăm so với lượng nước khi đầy bể?



3 Cùng xuất phát ở bến A đi đến khu du lịch B, Việt đi xe buýt thì đến nơi lúc 9 giờ, Mai đi xe taxi đến nơi lúc 8 giờ 15 phút. Rô-bốt cho biết cùng trên quãng đường AB, thời gian đi của taxi bằng  $\frac{2}{3}$  thời gian đi của xe buýt.

- Tính thời gian của mỗi xe ô tô đi trên quãng đường AB.
- Tính độ dài quãng đường AB, biết vận tốc của xe taxi là 60 km/h.



4 Một tỉnh miền núi có diện tích khoảng 10 000  $\text{km}^2$ . Mật độ dân số ở tỉnh đó khoảng 80 người/ $\text{km}^2$  (nghĩa là cứ mỗi ki-lô-mét vuông có trung bình 80 người). Nếu muốn tăng mật độ dân số của tỉnh đó lên 90 người/ $\text{km}^2$  thì số dân của tỉnh phải tăng thêm bao nhiêu người?



## TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG “TRÒ CHƠI”

- Trò chơi thực chất là một trong các hoạt động ở tiết luyện tập (thường ở sau một chủ đề hoặc sau một số bài học). Trò chơi giúp HS củng cố và phát triển kiến thức đã học.
  - Tổ chức hoạt động trò chơi trong giờ dạy học Toán giúp HS:
  - Thay đổi loại hình hoạt động, giảm mệt mỏi, tạo hứng thú học tập;
  - Tăng cường khả năng thực hành, trải nghiệm, củng cố và vận dụng kiến thức đã học;
  - Tăng cường sự tương tác giữa HS với HS, giữa GV với HS, qua đó góp phần phát triển khả năng quan sát, tư duy độc lập, suy luận, lựa chọn hợp lí,... góp phần phát triển năng lực toán học cho HS.
- Tổ chức hoạt động trò chơi phải xác định mục tiêu cần đạt, hiểu rõ luật chơi. Thực hiện theo nhóm hay cặp đôi thì mỗi cá nhân đều phải được tham gia và xác định rõ thời gian chơi. Động viên HS tham gia trò chơi vui, nhưng tránh hình thức, ồn ào mất trật tự, không hiệu quả.



- Lưu ý:
  - Trò chơi (được hiểu là trò chơi toán học) được thực hiện ngay trong tiết học trên lớp.
  - GV có thể lựa chọn thay đổi cách chơi phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp nhưng vẫn phải đảm bảo mục tiêu, cấu trúc trò chơi như trong SGK.
- Tổ chức trò chơi thường tiến hành theo các bước:

Xác định yêu cầu  
trò chơi, củng cố  
kiến thức



Xác định cách  
chơi, hình thức tổ  
chức chơi, tiến  
hành chơi



Tổng kết, nhận  
xét, đánh giá trò  
chơi



**Trò chơi**

### CẦU THANG – CẦU TRƯỢT

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô xuất phát. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm nhận được. Đọc số lớn hơn trong ô đó. Nếu đọc sai thì phải quay về ô xuất phát trước đó. Khi đến chân cầu thang, em được leo lên. Khi đến đỉnh cầu trượt, em bị trượt xuống, gặp bông hoa thì tự vượt qua.
- Trò chơi kết thúc khi có người về đích.

|       |        |        |         |                  |
|-------|--------|--------|---------|------------------|
|       | 721,8  | 46,258 | 17,98   | <b>ĐÍCH</b>      |
|       | 712,9  | 46,52  | 20,12   |                  |
| 13,72 | 15,09  | 3,74   | 100,02  | 10,1             |
| 14,27 | 14,90  | 3,81   | 100,01  | 9,99             |
| 31,27 | 10,59  | 13,72  | 10,82   | 899,9            |
| 41,72 | 9,90   | 1,372  | 108,201 | 900,01           |
|       | 215,99 | 203,76 | 35,08   | <b>XUẤT PHÁT</b> |
|       | 217,03 | 203,71 | 35,09   |                  |



**Trò chơi**

### ĐUỐNG ĐUA

Chuẩn bị: Một số hộp có dạng hình hộp chữ nhật và hình lập phương đặt ở xung quanh lớp học.

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Tại mỗi lượt chơi, giáo viên đọc một số đo thể tích. Các nhóm quan sát, ước lượng và lựa chọn một hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần bằng số đo thể tích giáo viên vừa đọc. Nhóm tìm được hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần nhất với số đo thể tích của giáo viên thì được cộng 1 điểm.
- Trò chơi kết thúc sau 5 lượt chơi. Nhóm giành được nhiều điểm nhất là nhóm thắng cuộc.





# Phần năm

## KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÁN 5



- Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp học, cấp học; điều chỉnh các hoạt động dạy học, đảm bảo sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán năm 2018 đã xác định rõ yêu cầu cần đạt đối với HS khi học xong từng mạch nội dung cũng như khi kết thúc lớp 5. Vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá phải nhằm đánh giá mức độ đạt được của HS đối với yêu cầu đó.

- Đối với môn Toán lớp 5, việc đánh giá kết quả học tập cần lưu ý những điểm chính sau:
  - Đánh giá quá trình (hay đánh giá thường xuyên) chủ yếu do GV phụ trách môn học tổ chức, kết hợp với đánh giá của GV các môn học khác, của bản thân HS được đánh giá và của các HS khác. SGK Toán 5 mới được thiết kế với nhiều hoạt động, hệ thống bài tập đa dạng về mức độ, phong phú về nội dung và hình thức thể hiện: trắc nghiệm, tự luận, câu hỏi mở. Do đó, GV cần có sự quan sát, ghi lại quá trình thực hiện để từ đó có được đánh giá cụ thể, chính xác, đảm bảo đánh giá quá trình đi liền với tiến trình hoạt động học tập của HS, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, đảm bảo mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của HS.
  - Đánh giá định kì (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập. Kết quả đánh giá định kì được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của HS.
- Trong các chủ đề Ôn tập học kì đặc biệt là các bài Ôn tập chung ở cuối tập một và tập hai của SGK Toán 5 đã đưa ra những nội dung chủ yếu, những dạng bài tập có thể sử dụng để tham khảo khi thiết kế bài kiểm tra phục vụ cho công tác đánh giá định kì.



## Phần sáu

# TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC



# 1. SÁCH GIÁO VIÊN TOÁN 5



- **SGV Toán 5** giới thiệu và hướng dẫn GV triển khai một số phương án dạy học SGK Toán 5 để đạt mục tiêu dạy học được quy định trong chương trình. Cuốn sách này gồm hai phần:
- Phần một: Hướng dẫn chung
- Phần này giúp GV nắm vững mục tiêu, yêu cầu cần đạt, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập của HS đối với môn Toán lớp 5.
- Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể
- Phần này gồm hướng dẫn dạy học từng bài trong SGK Toán 5. Mỗi bài hướng dẫn dạy học thường có ba phần: Mục tiêu, Chuẩn bị, Hoạt động dạy học, giúp GV nắm vững mục tiêu, những điều GV cần chuẩn bị cho hoạt động dạy học và định hướng việc tổ chức dạy học của từng bài học.
- GV có thể tham khảo sách này và SGK Toán 5 để lập kế hoạch dạy học từng bài (soạn bài) và kế hoạch dạy học cả năm cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của lớp học.
- GV cần đọc kĩ SGV để chuẩn bị tốt cho giờ học, đặc biệt là giáo cụ trực quan và dụng cụ học tập cho HS. Việc chuẩn bị này có thể mất thời gian nhưng cần thiết vì sẽ có tác dụng gây hứng thú học tập cho HS.



## 2. VỞ BÀI TẬP TOÁN 5



- Để có thể giúp HS sử dụng SGK Toán 5 một cách hiệu quả, NXBGDVN tổ chức biên soạn sách bổ trợ **Vở bài tập Toán 5**. Vở bài tập toán 5 giúp HS củng cố, hoàn thiện những nội dung đã học trong SGK.
- ✓ **Vở bài tập Toán 5** được biên soạn bám sát từng chủ đề, từng bài học trong SGK Toán 5. Tuy nhiên, để thuận tiện cho GV và HS khi sử dụng, mỗi bài học được chia thành từng tiết.
- ✓ **Vở bài tập Toán 5** chủ yếu gồm các bài thực hành, luyện tập có cùng nội dung, mức độ như các bài tập trong SGK Toán 5, chỉ khác về hình thức thể hiện và ngữ liệu. Ngoài ra, để giúp các em cảm nhận được “niềm vui học Toán”, Vở bài tập Toán 5 còn giới thiệu một số dạng bài tập mới được phát triển từ SGK Toán 5. GV có thể cho HS sử dụng sách này để luyện tập, thực hành tại lớp thay cho làm bài tập trong SGK.



## TÀI LIỆU HỖ TRỢ

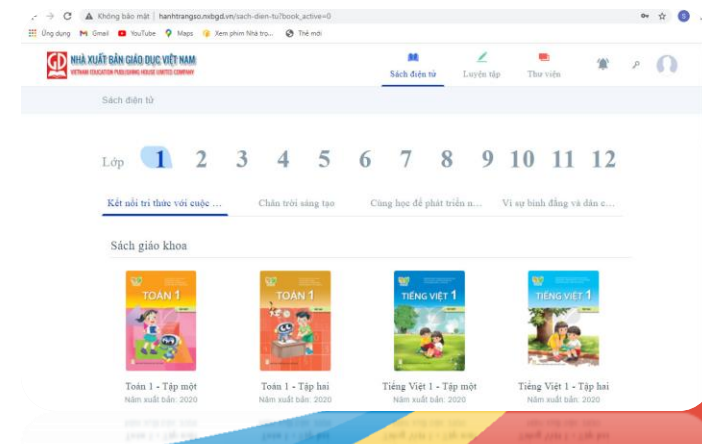


Sách giáo viên

taphuan.nxbgd.vn

hanhtrangso.nxbgd.vn

Vở bài tập





# Phần bảy

## HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY



- Soạn bài thực chất là lập kế hoạch để tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập tích cực nhằm đạt các mục tiêu dạy học của bài học, của tiết học cụ thể trong SGK Toán 5. Hiểu theo cách đó, soạn một giáo án để dạy học một tiết học ở Tiểu học cũng là lập một kế hoạch bài học cho tiết học đó.
- Cấu trúc nội dung dạy học của SGK Toán 5 đã thay đổi theo chủ đề/ bài học. Bởi vậy, khi soạn bài cho một tiết học, GV cần xác định rõ mục tiêu dạy học của cả bài học (chứa tiết học đó). Sau đó, GV nên chủ động phân chia mỗi bài học thành các tiết học phù hợp với đối tượng HS, điều kiện của trường, lớp. Sự phân chia mỗi bài học thành các tiết như trong SGK chỉ là gợi ý chung, GV có thể thay đổi cho phù hợp với thực tế lớp học. GV căn cứ vào mục tiêu của cả bài học (gồm những tiết học đó) để chia ra mục tiêu cụ thể cho từng tiết.



- GV nên xác định vị trí của mỗi tiết học (ở bài nào, chủ đề nào của Chương trình; trước và sau tiết học nào) để tìm ra mối liên hệ giữa các kiến thức đã học và chưa học, đồng thời xác định mức độ phù hợp với từng giai đoạn học tập của HS.
- GV nên xác định tiết học này thuộc dạng bài đặc trưng nào (khám phá bài mới; thực hành, luyện tập; luyện tập chung; ôn tập; trải nghiệm) để lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp.
- Hoạt động lập kế hoạch bài dạy (soạn giáo án) là hoạt động bắt buộc đối với GV trước khi lên lớp. GV có thể tùy theo năng lực, kinh nghiệm dạy học mà mức độ cụ thể, chi tiết của kế hoạch bài dạy có thể khác nhau. Nên soạn ngắn gọn, súc tích mà đủ ý.



- Kế hoạch bài dạy của GV (thường được gọi là giáo án) nên ngắn gọn và cần nêu rõ được các hoạt động dạy học cụ thể. Bài soạn phải dễ sử dụng, dễ bổ sung và điều chỉnh. Một kế hoạch bài dạy (tham khảo SGK Toán 5) thường gồm những nội dung sau:

### I. MỤC TIÊU

- Giúp HS:
- Kiến thức, kĩ năng
- Phát triển năng lực

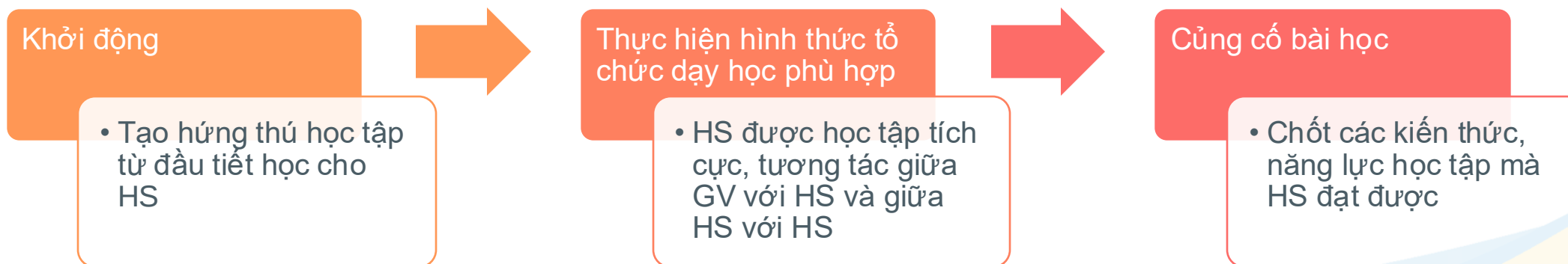
### II. CHUẨN BỊ

- Chuẩn bị của GV: Là các phương tiện, thiết bị dạy học, vật liệu, tranh ảnh,...
- Chuẩn bị của HS: Sách Toán 5, bộ đồ dùng học Toán 5.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TRONG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

- Lập kế hoạch bài học: Quy trình thực hiện từng hoạt động học tập của HS theo mục tiêu đã xác định (nêu tên cụ thể từng hoạt động của thầy và trò; cách tiến hành theo trình tự, chẳng hạn như các hoạt động dạy và học về dạy học bài mới, thực hành, luyện tập, ôn tập, củng cố, trò chơi,...).
- Khi dạy học, GV có thể linh hoạt triển khai các hoạt động này theo mức độ, quy trình phù hợp với điều kiện cụ thể (có thể xuất hiện các tình huống đột xuất) của lớp học.
- Các hoạt động dạy học trong một tiết dạy Toán ở Tiểu học thường theo các giai đoạn:





*Trân trọng cảm ơn!*

*Chuẩn mực*

*Khoa học*

*Hiện đại*